Cái giá của tự do ngôn luận: Nền dân chủ châu Âu, kiểm duyệt kỹ thuật số và cuộc tranh luận về trí tuệ nhân tạo

Bởi Frank , 24 Tháng 10 2026

Cái giá của tự do ngôn luận: Nền dân chủ châu Âu, kiểm duyệt kỹ thuật số và cuộc tranh luận về trí tuệ nhân tạo

Tự do biểu đạt, kiểm soát thông tin và nghịch lý trong việc tiếp cận những quan điểm gây tranh cãi tại châu Âu và Việt Nam.



Tác giả: Frank Dumon

1. Lời cam kết của châu Âu: Tự do không biên giới

> Châu Âu tự giới thiệu mình là một cộng đồng chính trị được xây dựng trên nền tảng dân chủ, phẩm giá con người, chủ nghĩa đa nguyên, pháp quyền và tự do biểu đạt. Những nguyên tắc này không chỉ là những khát vọng mang tính tu từ. Chúng được ghi nhận trong các hiệp ước có giá trị ràng buộc pháp lý, các truyền thống hiến định và những văn kiện quốc tế về quyền con người. Điều 11 của Hiến chương các Quyền Cơ bản của Liên minh châu Âu bảo vệ cả quyền tự do biểu đạt lẫn quyền tiếp nhận thông tin xuyên biên giới quốc gia. Công ước châu Âu về Nhân quyền cũng quy định sự bảo vệ tương tự tại Điều 10.

Sự phân biệt giữa việc bày tỏ ý kiến và tiếp nhận thông tin có ý nghĩa nền tảng. Một công dân không thể đưa ra những đánh giá chính trị thực sự có cơ sở nếu thông tin mà họ được tiếp cận đã bị sàng lọc trước theo quan điểm của nhà chức trách. Dân chủ đòi hỏi nhiều hơn việc định kỳ trao cho người dân cơ hội bỏ phiếu. Dân chủ đòi hỏi quyền tiếp cận những cách giải thích khác nhau về các sự kiện chính trị, kể cả những cách giải thích mà chính phủ cho là thù địch, gây hiểu lầm, xúc phạm hoặc bất tiện.

Hãy xem xét trường hợp một công dân châu Âu bình thường đang cố gắng tìm hiểu cuộc chiến tại Ukraine, quá trình mở rộng NATO, vụ phá hủy các đường ống dẫn khí Nord Stream, chính sách năng lượng của châu Âu hoặc những hậu quả kinh tế của các biện pháp trừng phạt Nga. Để đưa ra một nhận định có đầy đủ thông tin, người đó cần xem xét các tuyên bố chính thức của phương Tây, các tuyên bố chính thức của Nga, báo chí độc lập, tài liệu lịch sử, số liệu thống kê kinh tế và những cách diễn giải trái ngược nhau của các chuyên gia.

Đọc một ấn phẩm của Nga không đồng nghĩa với việc ủng hộ chính phủ Nga. Đọc một ấn phẩm của Mỹ không có nghĩa là tán thành chính sách đối ngoại của Mỹ. Tham khảo truyền thông Trung Quốc không chứng minh rằng một người trung thành với Bắc Kinh. Nguyên tắc tương tự cũng áp dụng đối với sách, phim, các cuộc phỏng vấn và tài liệu lịch sử. Tiếp cận thông tin không đồng nghĩa với tán thành nội dung của thông tin đó. Tuy nhiên, Liên minh châu Âu đã áp đặt các biện pháp hạn chế đối với ngày càng nhiều tổ chức truyền thông của Nga hoặc có liên hệ với Nga. Những hạn chế này được trình bày như các biện pháp phòng vệ trước thông tin sai lệch và sự can thiệp từ nước ngoài.

Câu hỏi trọng tâm là liệu việc bảo vệ công dân khỏi sự thao túng có biện minh được cho việc hạn chế quyền tiếp cận chính những nguồn thông tin mà họ có thể muốn tự mình xem xét một cách phê phán hay không. Một nền dân chủ không nên đòi hỏi công dân phải tin vào mọi ấn phẩm nước ngoài. Nhưng nền dân chủ ấy cũng không nên mặc nhiên cho rằng công dân của mình không đủ khả năng đánh giá những ấn

phẩm đó. Lý tưởng dân chủ là một xã hội có người dân được giáo dục đầy đủ, có khả năng phân biệt bằng chứng với tuyên truyền. Cám dỗ mang tính độc đoán là quyết định trước những thông tin nào người dân được phép tiếp cận.

2. Những hạn chế của Liên minh châu Âu đối với



Sau khi Nga tiến hành cuộc xâm lược toàn diện Ukraine vào tháng 2 năm 2022, Liên minh châu Âu đã áp đặt các biện pháp trừng phạt kinh tế và chính trị trên diện rộng đối với Nga. Trong số đó có những hạn chế đối với hoạt động phát sóng và phân phối nội dung của các tổ chức truyền thông được chỉ định. Hội đồng châu Âu lập luận rằng một số cơ quan truyền thông được Nga hậu thuẫn tham gia vào các hoạt động thao túng thông tin có phối hợp nhằm biện minh cho hành động xâm lược quân sự, gây bất ổn cho các quốc gia láng giềng và làm suy yếu các thể chế dân chủ châu Âu.

Không thể đơn giản bác bỏ mối lo ngại này. Trong lịch sử, các chính phủ đã sử dụng báo chí, các tổ chức phát thanh truyền hình và những nền tảng kỹ thuật số như công cụ gây ảnh hưởng chính trị. Truyền thông nhà nước Nga đã phổ biến những câu chuyện gây hiểu lầm, cũng như các chính phủ và tổ chức truyền thông phương Tây, vào những thời điểm khác nhau trong lịch sử, từng lan truyền các tuyên bố mà sau đó được chứng minh là sai sự thật. Sự tồn tại của tuyên truyền không phải là điều gây tranh cãi. Vấn đề là các thể chế dân chủ nên phản ứng như thế nào. Theo bản tổng quan về các biện pháp trừng phạt do Hội đồng công bố, những hạn chế của EU hiện áp dụng đối với 27 cơ quan truyền thông được nêu tên. Trong số đó có Russia Today, Sputnik, RIA Novosti, Izvestia, SouthFront, Strategic Culture Foundation cùng một số ấn phẩm khác.

Đây là những biện pháp thực tế được áp dụng ở cấp Liên minh châu Âu, chứ không đơn thuần là những cáo buộc về kiểm duyệt.

Các hạn chế này được thực hiện thông qua sự kết hợp giữa các quy định của EU, lệnh cấm phân phối, nghĩa vụ tuân thủ của các nhà cung cấp dịch vụ và, trong một số trường hợp, những biện pháp hạn chế truy cập về mặt kỹ thuật. Tác động thực tế của chúng có thể rất đáng kể, ngay cả khi phạm vi pháp lý hẹp hơn một lệnh cấm đọc tuyệt đối. Một công dân cố gắng truy cập một ấn phẩm thuộc diện hạn chế có thể gặp phải một trang web không thể truy cập, một lệnh chặn ở cấp nhà cung cấp dịch vụ Internet, một kết quả tìm kiếm bị loại bỏ hoặc một nền tảng từ chối phân phối nội dung. Điều này tạo ra một tình thế tiến thoái lưỡng nan đối với nền dân chủ.

Liên minh châu Âu lập luận rằng những biện pháp này bảo vệ các thể chế dân chủ trước những hoạt động thông tin mang tính thù địch. Những người chỉ trích cho rằng việc hạn chế tiếp cận các ấn phẩm chính trị làm suy yếu chính quyền tự do thông tin mà các thể chế đó tuyên bố bảo vệ. Cả hai lập luận đều đáng được xem xét, nhưng không nên mặc nhiên coi chúng có sức thuyết phục ngang nhau chỉ vì chúng đối lập nhau. Mỗi biện pháp hạn chế cần được đánh giá dựa trên cơ sở pháp lý, tính cần thiết, hiệu quả, tính tương xứng và những hậu quả đối với hoạt động nghiên cứu độc lập. Trách nhiệm chứng minh tính chính đáng phải thuộc về cơ quan áp đặt biện pháp hạn chế.

3. Strategic Culture Foundation: Một ví dụ đáng suy ngẫm

Trang web strategic-culture.su là một ví dụ đặc biệt phù hợp. Strategic Culture Foundation được nêu rõ trong danh sách của Hội đồng châu Âu về các cơ quan truyền thông có liên hệ với Nga và chịu những hạn chế về phát sóng. Các bài viết của tổ chức này đề cập đến quan hệ quốc tế, xung đột địa chính trị, chiến lược quân sự, chính sách kinh tế và chính sách đối ngoại của phương Tây. Một số tác giả đưa ra những cách diễn giải hoàn toàn trái ngược với các quan điểm thường xuất hiện trên những phương tiện truyền thông chính thống tại châu Âu và Mỹ.

Sự đối lập đó không chứng minh rằng các thông tin được đăng tải là đáng tin cậy về mặt thực tế. Những lập luận của ấn phẩm phải được đánh giá riêng lẻ, có xem xét đến bằng chứng, danh tính tác giả, lợi ích biên tập và khả năng chịu ảnh hưởng của nhà nước. Tuy nhiên, điều ngược lại cũng quan trọng không kém: sự hiện diện của những lập luận gây tranh cãi về chính trị không chứng minh rằng mọi bài viết đều sai sự thật. Một nhà nghiên cứu tìm hiểu chính sách đối ngoại Mỹ có thể tham khảo Strategic Culture Foundation cùng với các tài liệu của Bộ Ngoại giao Mỹ, Ủy ban châu Âu, NATO, chính phủ Nga và các nhà sử học độc lập.

Nhà nghiên cứu có thể đi đến kết luận rằng Strategic Culture Foundation không đáng tin cậy về một vấn đề cụ thể. Kết luận như vậy hoàn toàn có cơ sở về mặt học thuật nếu được chứng minh bằng bằng chứng. Nhưng một đánh giá được đưa ra sau khi xem xét một ấn phẩm khác về bản chất với một đánh giá được hình thành chỉ vì quyền tiếp cận ấn phẩm đó đã bị hạn chế.

Sự phân biệt này đặc biệt quan trọng trong nghiên cứu lịch sử.

Nhiều tuyên bố chính thức về các cuộc xung đột trong quá khứ đã được điều chỉnh sau khi những tài liệu mật được công bố. Hồ sơ Lầu Năm Góc (Pentagon Papers) cho thấy những khía cạnh quan trọng trong quá trình ra quyết định của Mỹ trong Chiến tranh Việt Nam đã bị che giấu hoặc trình bày sai lệch. Cuộc tranh luận về vũ khí hủy diệt hàng loạt tại Iraq đã phơi bày những thất bại nghiêm trọng trong việc đánh giá tình báo và truyền đạt thông tin tới công chúng. Những ví dụ này không chứng minh rằng các câu chuyện đương thời của Nga là chính xác. Chúng cho thấy vì sao những tường thuật chính thức của phương Tây không nên mặc nhiên được miễn trừ khỏi sự xem xét và chất vấn.

Việc loại bỏ những bằng chứng gây bất tiện hiếm khi giúp hiểu biết lịch sử trở nên vững chắc hơn.

Một xã hội dân chủ nên khuyến khích các nhà nghiên cứu so sánh những nguồn thông tin cạnh tranh, công khai những hạn chế của chúng và xác định các điểm mâu thuẫn. Phản ứng thích hợp đối với thông tin đáng nghi vấn thông thường là phê bình minh bạch, kiểm chứng độc lập và tranh luận công khai, chứ không phải giả định rằng hạn chế quyền tiếp cận sẽ tạo ra những công dân được thông tin đầy đủ hơn. Có thể tồn tại những hoàn cảnh ngoại lệ trong đó các biện pháp hạn chế được xác định chặt chẽ là chính đáng. Việc kích động bạo lực, các mối đe dọa trực tiếp đối với hoạt động thực tế và một số hình thức can thiệp bất hợp pháp đặt ra những vấn đề khác với bình luận chính trị thông thường. Nhưng các biện pháp ngoại lệ đòi hỏi sự biện minh đặc biệt nghiêm ngặt. Một hạn chế bao trùm toàn bộ một ấn phẩm có nguy cơ ngăn chặn cả những nội dung có độ chính xác và giá trị đối với công chúng rất khác nhau giữa các bài viết.

4. So sánh với Việt Nam: Nghịch lý khó xử của nền dân chủ phương Tây

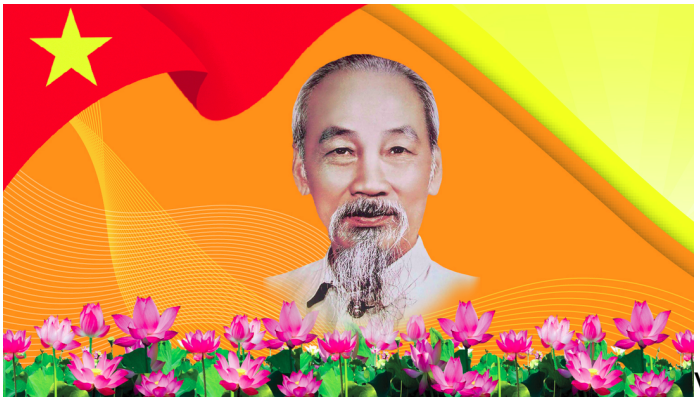Việt Nam là một quốc gia theo chế độ một đảng, do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo. Hệ thống chính trị của Việt Nam khác biệt căn bản với các hệ thống đa đảng cạnh tranh trong những nền dân chủ nghị viện châu Âu. Việt Nam cũng duy trì những hạn chế đáng kể đối với việc bày tỏ quan điểm chính trị trong nước, hoạt động báo chí độc lập và một số hình thức truyền thông trực tuyến. Vì vậy, sẽ không chính xác nếu mô tả Việt Nam là một quốc gia có quyền tự do Internet hoàn toàn không bị hạn chế. Tuy nhiên, một nghịch lý đáng chú ý xuất hiện khi một số trang web nước ngoài chịu các biện pháp hạn chế tại châu Âu lại có thể được truy cập thông qua những kết nối Internet thông thường ở Việt Nam. Một du khách châu Âu tại Hà Nội có thể phát hiện rằng một ấn phẩm không thể truy cập qua nhà cung cấp dịch vụ Internet ở Bỉ lại dễ dàng được mở thông qua một nhà cung cấp dịch vụ tại Việt Nam. Quan sát này đáng được nghiên cứu sâu hơn.

Các biện pháp hạn chế Internet mang tính chọn lọc và phụ thuộc vào phạm vi quyền tài phán. Một chính phủ có thể cho phép người dân tiếp cận những bình luận địa chính trị từ nước ngoài, đồng thời hạn chế các ý kiến chỉ trích chính những thể chế chính trị của mình. Tương tự, một quốc gia châu Âu có thể bảo vệ hoạt động báo chí đối lập trong nước nhưng lại hạn chế việc phân phối nội dung của một số tổ chức truyền thông nước ngoài đang chịu lệnh trừng phạt. Những khác biệt này cho thấy một khía cạnh quan trọng của quyền lực chính trị: việc kiểm soát thông tin không chỉ được định hình bởi những nguyên tắc trừu tượng về tự do, mà còn bởi lợi ích, những mối đe dọa được nhận thức và các ưu tiên của những người nắm quyền.

Tuy nhiên, sự so sánh này đặt ra một câu hỏi rộng lớn hơn. Dân chủ thực sự có nghĩa là gì? Liệu chỉ cần tổ chức bầu cử, duy trì một nghị viện và tuyên bố các quyền tự do hiến định là đủ? Hay dân chủ còn phải bao gồm trách nhiệm giải trình chính trị thực chất, sự độc lập của các thể chế công quyền, sự tham gia có ý nghĩa của người dân và quyền chủ quyền của các quốc gia trong việc tự quyết định chính sách của mình? Kinh nghiệm của Hoa Kỳ, Liên minh châu Âu, Serbia, Việt Nam và Trung Quốc cho thấy không thể trả lời những câu hỏi này chỉ bằng các nhãn hiệu ý thức hệ.

4.1. Nghịch lý của nước Mỹ: Bầu cử, tiền bạc và quyền lực chính trị

Hoa Kỳ thể hiện một nghịch lý khó xử khác. Quốc gia này tự mô tả mình là một trong những nước đi đầu bảo vệ dân chủ, nhưng hệ thống chính trị của họ lại cho phép những khối tài sản tư nhân khổng lồ tập trung trong tay một số ít người có ảnh hưởng đến cạnh tranh bầu cử và chính sách công. Công dân Mỹ được hưởng những quyền hiến định quan trọng, bao gồm tự do ngôn luận, tự do lập hội và quyền tham gia các cuộc bầu cử có cạnh tranh. Các tòa án độc lập, báo chí điều tra và lực lượng đối lập chính trị vẫn là những đặc điểm thiết yếu của hệ thống hiến pháp Hoa Kỳ. Không nên phủ nhận giá trị của các thể chế này chỉ vì chúng cùng tồn tại với những vấn đề mang tính cơ cấu nghiêm trọng.

Tuy nhiên, sự tồn tại của các cuộc bầu cử không tự động bảo đảm rằng những quyết định chính trị phản ánh nguyện vọng của người dân bình thường. Việc tài trợ cho các chiến dịch tranh cử, hoạt động vận động hành lang, ảnh hưởng của doanh nghiệp, sự tập trung quyền sở hữu truyền thông và hiện tượng luân chuyển nhân sự giữa chính phủ với khu vực tư nhân đặt ra những câu hỏi căn bản về tính đại diện dân chủ. Theo đánh giá cá nhân của tôi, với tư cách là tác giả của www.jakobijn.be, nền dân chủ Mỹ đã bị ảnh hưởng sâu sắc bởi sự tập trung quyền lực tài chính và chính trị đến mức những thủ tục bầu cử mang tính hình thức không còn là thước đo đầy đủ cho trách nhiệm giải trình dân chủ thực chất.

Đây là một nhận định chính trị, không phải lời khẳng định rằng các cuộc bầu cử đã không còn tồn tại hoặc tất cả các thể chế Mỹ đều đánh mất tính độc lập. Nhận định này phản ánh một mối lo ngại rộng lớn hơn: khả năng tác động đến chính sách của chính phủ được phân bổ bất bình đẳng hơn rất nhiều so với quyền bỏ phiếu về mặt hình thức. Vì vậy, câu hỏi trọng tâm không chỉ đơn giản là liệu người Mỹ có được bỏ phiếu hay không. Vấn đề là liệu những công dân, mỗi người chỉ có một lá phiếu, có thể thực sự tạo ra ảnh hưởng chính trị trong một hệ thống mà các nhà tài trợ giàu có, các tập đoàn, tổ chức vận động hành lang và các ủy ban hành động chính trị được tài trợ dồi dào có thể dành những nguồn lực khổng lồ để định hình kết quả bầu cử hay không.

Khi nguồn lực tài chính quyết định ứng cử viên nào được quảng bá rộng rãi, lập trường chính trị nào nhận được sự hậu thuẫn của các tổ chức và vấn đề nào chi phối cuộc tranh luận công khai, nguyên tắc bình đẳng chính trị ngày càng khó dung hòa với thực tế cạnh tranh bầu cử. Quyền bỏ phiếu vẫn là điều không thể thiếu. Nhưng đó không phải là thước đo duy nhất của dân chủ. Sự độc lập của các đại diện chính trị, tính minh bạch của các quan hệ tài chính và khả năng của người dân bình thường trong việc thách thức những nhóm lợi ích đã bám rễ sâu cũng quan trọng không kém.

4.2. AIPAC, Washington và vấn đề độc lập chính trị



Ủy ban Công vụ Mỹ–Israel (American Israel Public Affairs Committee, AIPAC) là một trường hợp nghiên cứu quan trọng về ảnh hưởng chính trị có tổ chức. AIPAC vận động cho mối quan hệ chặt chẽ giữa Hoa Kỳ và Israel, đồng thời tham gia vào tiến trình chính trị Mỹ thông qua hoạt động vận động hành lang và các tổ chức bầu cử có liên hệ. Ủy ban hành động chính trị của AIPAC hỗ trợ các ứng cử viên, trong khi siêu ủy ban hành động chính trị có liên hệ với tổ chức này, United Democracy Project, có thể huy động và chi những khoản tiền đáng kể một cách độc lập để ủng hộ hoặc phản đối các ứng cử viên trong những cuộc bầu cử liên bang. Những khoản chi tiêu như vậy chịu sự điều chỉnh của các quy định khác với các khoản đóng góp trực tiếp cho chiến dịch tranh cử và không thể tự động bị mô tả là hành vi hối lộ.

Theo Ủy ban Bầu cử Liên bang Hoa Kỳ, United Democracy Project đã báo cáo khoản thu khoảng 112,8 triệu USD và khoản chi khoảng 85,1 triệu USD trong chu kỳ bầu cử 2025–2026, tính đến ngày 14 tháng 10 năm 2026. Những con số này cho thấy quy mô tài chính của các hoạt động bầu cử do tổ chức tiến hành. Tuy nhiên, bản thân chúng không chứng minh rằng những người nhận hỗ trợ hoặc hưởng lợi đã hành động bất hợp pháp hay từ bỏ quyền tự chủ trong các quyết định chính trị. Hồ sơ tài chính chính thức: Ủy ban Bầu cử Liên bang Hoa Kỳ — United Democracy Project.

Câu hỏi chính đáng về mặt dân chủ là liệu ảnh hưởng tài chính như vậy có tạo ra động lực khiến các đại diện dân cử đặt ưu tiên của những nhóm lợi ích có tổ chức và đầy quyền lực lên trên lợi ích của cử tri mà họ đại diện hay không. Vấn đề này không chỉ liên quan đến AIPAC mà còn áp dụng cho các tổ chức vận động hành lang của doanh nghiệp, các định chế tài chính, nhà thầu quốc phòng, công ty dược phẩm, tập đoàn năng lượng và những nhóm lợi ích khác hoạt động tại Washington.

Những lời chỉ trích của tôi đối với AIPAC liên quan đến hoạt động chính trị của một tổ chức vận động hành lang có thể xác định rõ ràng và ảnh hưởng của tổ chức này đối với chính sách đối ngoại Hoa Kỳ. Đây không phải là lời cáo buộc nhằm vào người Mỹ gốc Do Thái, các cộng đồng Do Thái hoặc toàn thể người Do Thái. Chủ nghĩa phục quốc Do Thái về mặt chính trị, các chính sách của chính phủ Israel, những tổ chức vận động hành lang tại Mỹ và bản sắc tôn giáo hoặc văn hóa Do Thái là những vấn đề

riêng biệt, không được đánh đồng với nhau. Những tuyên bố cho rằng một tỷ lệ cụ thể các nhà lập pháp Mỹ đã nhận hối lộ từ AIPAC, hoặc các chính trị gia nhận được thông tin nội gián bất hợp pháp từ Phố Wall thông qua tổ chức này, đều cần có bằng chứng tài liệu. Nếu không có bằng chứng như vậy, không thể có trách nhiệm khi trình bày những cáo buộc đó như các sự thật đã được xác lập. Tuy nhiên, quy mô chi tiêu chính trị đã được ghi nhận vẫn là cơ sở chính đáng để tiến hành điều tra nghiêm túc về các khoản đóng góp tranh cử, chi tiêu độc lập, những cuộc tiếp xúc với giới vận động hành lang, hồ sơ biểu quyết lập pháp, xung đột lợi ích và mối quan hệ giữa chính sách đối ngoại Mỹ với lợi ích của chính phủ Israel.

4.3. John Mearsheimer và cuộc tranh luận về nhóm vận động hành lang ủng hộ Israel

Nhà khoa học chính trị John Mearsheimer từ lâu đã nghiên cứu ảnh hưởng của nhóm vận động hành lang ủng hộ Israel đối với chính sách đối ngoại Hoa Kỳ, đặc biệt thông qua các công trình thực hiện cùng Stephen Walt. Lập luận của họ đặt câu hỏi đối với giả định rằng sự ủng hộ của Mỹ dành cho Israel luôn có thể được giải thích hoàn toàn bằng lợi ích chiến lược hoặc những giá trị dân chủ chung. Phân tích của họ vẫn gây tranh cãi. Những người phản đối không đồng tình với một số khía cạnh trong cách diễn giải của họ, trong khi những người ủng hộ coi các công trình này là đóng góp quan trọng cho việc tìm hiểu ảnh hưởng có tổ chức đối với chính sách đối ngoại. Vấn đề đáng quan tâm không phải là có nên chấp nhận tất cả kết luận của họ hay không, mà là những bằng chứng làm nền tảng cho các kết luận ấy có đáng được xem xét công khai hay không.

Video có tiêu đề AIPAC, Washington và Israel: Lời cảnh báo nghiêm khắc của John Mearsheimer cung cấp một điểm khởi đầu khác cho cuộc thảo luận này. Những tuyên bố cụ thể trong video cần được đánh giá dựa trên các phát biểu gốc, những hồ sơ tài chính được công bố và bằng chứng lịch sử độc lập. Một xã hội dân chủ phải có khả năng điều tra ảnh hưởng chính trị của một nhóm vận động hành lang hoạt động trong lĩnh vực chính sách đối ngoại mà không mặc nhiên coi cuộc điều tra đó là thiếu chính đáng. Đồng thời, những lời phê bình phải tiếp tục hướng vào các tổ chức có thể xác định rõ, các chính sách, các quan hệ tài chính và những quyết định chính trị, thay vì quy kết cho toàn bộ các cộng đồng tôn giáo hoặc sắc tộc.

4.4. Những tiếng nói độc lập chỉ trích chính sách đối ngoại Hoa Kỳ

Nhiều nhà bình luận, nhà kinh tế học, cựu quan chức chính phủ và nhà báo độc lập đã đặt câu hỏi đối với một số khía cạnh của chính sách đối ngoại Hoa Kỳ, việc tài trợ

chính trị, các cuộc can thiệp quân sự và trách nhiệm giải trình của các thể chế. Trong số những nhân vật có công trình đáng được xem xét có Tucker Carlson, cựu đại tá Lawrence Wilkerson, Andrei Martyanov, nhà kinh tế học Jeffrey Sachs, cựu đại sứ Chas Freeman, Mark Sleboda, Giáo sư Pascal Lottaz, nhà báo Rachel Blevins, Pepe Escobar, Thượng nghị sĩ Bernie Sanders, nhà kinh tế học Michael Hudson, nhà kinh tế học Richard Wolff, Thẩm phán Andrew Napolitano và Đại tá nghỉ hưu Douglas Macgregor.

Những nhân vật này đại diện cho các truyền thống chính trị, kinh nghiệm nghề nghiệp và phương pháp phân tích khác nhau. Không nên coi quan điểm của họ là đồng nhất, và việc nhắc đến họ không có nghĩa là mỗi người đều tán thành tất cả những lời phê bình được đưa ra trong chương này. Tuy nhiên, những bình luận công khai của họ cho thấy đang tồn tại một cuộc tranh luận đáng kể về các cam kết quân sự của Mỹ, ảnh hưởng của những nhóm lợi ích giàu có, hậu quả của các biện pháp trừng phạt, mối quan hệ giữa Washington và Israel cũng như trách nhiệm giải trình của giới lãnh đạo chính trị. Điều quan trọng không phải là số lượng những nhân vật nổi tiếng ủng hộ một cách diễn giải cụ thể, mà là chất lượng của những bằng chứng họ đưa ra. Các lập luận của họ cần được xem xét riêng lẻ, đối chiếu với các nguồn tài liệu gốc và chịu sự kiểm tra phê phán nghiêm ngặt tương tự như những tuyên bố chính thức của chính phủ.

4.5. Thách thức của Ryszard Legutko: Liên minh châu Âu có thực sự chịu trách nhiệm giải trình dân chủ?

Tính chính danh dân chủ của Liên minh châu Âu cũng đã bị chất vấn ngay từ bên trong chính Nghị viện châu Âu.

Giáo sư Ryszard Legutko, một triết gia người Ba Lan và cựu đồng chủ tịch Nhóm Bảo thủ và Cải cách châu Âu, đã đưa ra những lời chỉ trích mạnh mẽ đối với Ủy ban châu Âu và Nghị viện châu Âu trong một cuộc tranh luận về tình hình Liên minh châu Âu. Bài phát biểu của ông, được phổ biến dưới tiêu đề Đây không phải là dân chủ — Thách thức của Legutko đối với Ủy ban châu Âu, đặt câu hỏi về mối quan hệ giữa các thể chế châu Âu, chủ quyền quốc gia và trách nhiệm giải trình dân chủ.

Legutko lập luận rằng Liên minh châu Âu ngày càng trở nên bất ổn và các thể chế của khối đang chuyển dần sang một hình thức quản trị mang tính đầu sỏ. Ông chỉ trích cách Ủy ban châu Âu xử lý chính sách năng lượng, vấn đề di cư, hoạt động vay nợ chung, Thỏa thuận Xanh châu Âu và quan hệ với các chính phủ quốc gia.

Ông cũng cáo buộc Ủy ban châu Âu vượt quá vai trò thể chế thích hợp của mình khi tìm cách tác động đến những diễn biến chính trị nội bộ của các quốc gia thành viên.

Đây là những cáo buộc chính trị nghiêm trọng, nhưng cần phân biệt chúng với những hành vi vi phạm luật pháp châu Âu đã được xác lập một cách độc lập.

Lời chỉ trích căn bản nhất của ông liên quan đến mối quan hệ giữa tính đại diện và trách nhiệm giải trình. Theo Legutko, Nghị viện châu Âu tuyên bố đại diện cho một cộng đồng chính trị châu Âu thống nhất, trong khi cộng đồng ấy không tồn tại theo cùng một nghĩa như các tập thể cử tri quốc gia của từng nước thành viên.

Theo cách diễn giải của ông, những đại diện được bầu từ một quốc gia thành viên có thể tham gia đưa ra các quyết định ảnh hưởng đến công dân của một quốc gia thành viên khác mà không phải trực tiếp chịu trách nhiệm trước những công dân đó thông qua quy trình bầu cử quốc gia của họ.

Vì vậy, Legutko đặt câu hỏi đối với giả định rằng chỉ riêng sự tồn tại của một Nghị viện châu Âu được bầu cử đã đủ để xác lập tính chính danh dân chủ cho mọi quyết định được đưa ra ở cấp độ châu Âu.

Lời chỉ trích của ông đặt ra một câu hỏi hiến định chính đáng: **Quyền lực chính trị nên được thực thi như thế nào xuyên biên giới quốc gia khi những công dân chịu ảnh hưởng của một quyết định không thể trực tiếp bãi nhiệm bằng lá phiếu của mình tất cả các đại diện tham gia đưa ra quyết định đó?**

4.6. Ủy ban châu Âu: Quyền lực thể chế không thông qua bầu cử trực tiếp

Ủy ban châu Âu không được công dân châu Âu trực tiếp bầu ra. Chủ tịch và các ủy viên của cơ quan này được bổ nhiệm thông qua những thủ tục có sự tham gia của Hội đồng châu Âu, chính phủ các quốc gia thành viên và Nghị viện châu Âu. Ngược lại, Nghị viện châu Âu được bầu trực tiếp và thực hiện các quyền lập pháp, ngân sách và giám sát. Nghị viện tham gia thông qua pháp luật châu Âu cùng với Hội đồng Liên minh châu Âu và có thể buộc Ủy ban châu Âu chịu trách nhiệm chính trị, kể cả thông qua một kiến nghị bất tín nhiệm. Những cơ chế bảo đảm về thể chế này có nghĩa là không thể mô tả chính xác Liên minh châu Âu như một tổ chức hoàn toàn không có các cơ chế dân chủ. Tuy nhiên, cấu trúc ra quyết định phức tạp của khối tạo ra một khoảng cách đáng kể giữa từng cử tri và một số thể chế thực thi quyền lực quản lý cũng như hành pháp.

Các giải thích chính thức về thể chế: Ủy ban châu Âu — Quy trình bổ nhiệm Ủy ban châu Âu và Liên minh châu Âu — Nghị viện châu Âu: Vai trò và quyền hạn.

Vì vậy, vấn đề không phải là liệu Liên minh châu Âu có các thể chế dân chủ hay không, mà là liệu những cơ chế hiện hành có bảo đảm đầy đủ tính minh bạch, khả

năng đáp ứng nguyện vọng của người dân và trách nhiệm giải trình đối với các quyết định ảnh hưởng sâu sắc đến cuộc sống của hàng trăm triệu người châu Âu hay không. Bài phát biểu của Legutko cũng minh họa một nghịch lý khác: Nghị viện châu Âu cung cấp một diễn đàn công khai để chỉ trích gay gắt các thể chế châu Âu, nhưng những người chỉ trích lại cho rằng chính các thể chế đó chưa thực sự lắng nghe đầy đủ những quan điểm bất đồng. Cả hai khía cạnh đều quan trọng. Khả năng bày tỏ sự chỉ trích cho thấy các quyền tự do chính trị tại châu Âu vẫn có ý nghĩa quan trọng. Liệu những lời chỉ trích ấy có thể thực sự thay đổi chính sách hay không lại là một câu hỏi riêng về hiệu quả dân chủ.

4.7. Serbia: Chủ quyền giữa Brussels, Moskva, Washington và Bắc Kinh

Kinh nghiệm của Serbia bổ sung một khía cạnh khác cho cuộc tranh luận về dân chủ: quyền của một quốc gia châu Âu tương đối nhỏ trong việc theo đuổi chính sách đối ngoại độc lập khi những lựa chọn của mình xung đột với các ưu tiên chiến lược của những cường quốc chính trị và kinh tế lớn hơn.

Serbia đang ở trong một vị thế đặc biệt khó khăn. Về địa lý và kinh tế, quốc gia này có mối liên hệ chặt chẽ với Liên minh châu Âu. Về lịch sử, chính trị và ngoại giao, Serbia cũng duy trì những quan hệ quan trọng với Nga. Quan hệ kinh tế với Trung Quốc đã mở rộng, trong khi các mối quan hệ với Hoa Kỳ vẫn không thể thiếu đối với vị thế quốc tế rộng lớn hơn của Serbia. Chiến lược cân bằng này được phân tích trên tuần báo Serbia NIN trong bài viết có tiêu đề Đi trên dây giữa bốn trụ cột: Chiến lược chính sách đối ngoại của Serbia.

Bài viết giải thích rằng khái niệm chính sách đối ngoại dựa trên bốn trụ cột của Serbia được Tổng thống khi đó là Boris Tadić đưa ra vào năm 2009. Bốn trụ cột gồm Liên minh châu Âu, Nga, Hoa Kỳ và Trung Quốc. Thay vì đặt đất nước hoàn toàn vào một khối địa chính trị duy nhất, chiến lược này tìm cách duy trì quan hệ hợp tác có hiệu quả với cả bốn đối tác. Cách tiếp cận ấy phản ánh vị trí địa lý, lợi ích kinh tế và kinh nghiệm lịch sử của Serbia. Nó cũng thừa nhận rằng một quốc gia tương đối nhỏ có thể hưởng lợi từ việc duy trì nhiều lựa chọn ngoại giao, thay vì chấp nhận phụ thuộc hoàn toàn vào một trung tâm quyền lực quốc tế duy nhất.

Tuy nhiên, môi trường địa chính trị đã thay đổi mạnh mẽ. Quan hệ giữa Nga và các chính phủ phương Tây ngày càng xấu đi, căng thẳng giữa Washington và Bắc Kinh gia tăng, trong khi cuộc chiến tại Ukraine gây sức ép chưa từng có đối với các cơ chế an ninh châu Âu. Trong những hoàn cảnh này, việc duy trì quan hệ với các cường quốc đang cạnh tranh nhau trở nên ngày càng khó khăn.

4.8. Bốn trụ cột: Chiến lược độc lập hay một cuộc cân bằng bất khả thi?

Bài viết trên NIN mô tả bốn trụ cột trong chính sách đối ngoại Serbia đang ngày càng bị chia cắt bởi những rào cản địa chính trị. Điều ban đầu được hình dung như một nền tảng ổn định cho quan hệ quốc tế nay đã trở thành một cuộc cân bằng mong manh giữa các trung tâm quyền lực cạnh tranh. Quan hệ kinh tế giữa Serbia và Liên minh châu Âu rất sâu rộng, nhưng những khác biệt chính trị với Brussels vẫn đáng kể, đặc biệt liên quan đến Kosovo, quan hệ với Nga và việc tham gia các biện pháp trừng phạt của châu Âu. Trung Quốc ngày càng trở nên quan trọng thông qua thương mại, đầu tư và phát triển cơ sở hạ tầng. Nga tiếp tục giữ vai trò đáng kể trong quan hệ năng lượng và hợp tác ngoại giao.

Đối với Serbia, thách thức không chỉ đơn giản là lựa chọn giữa phương Đông và phương Tây. Đó là việc duy trì đủ không gian để đưa ra các quyết định độc lập, đồng thời bảo vệ những quan hệ kinh tế và ngoại giao thiết yếu. Sự phân biệt này rất quan trọng bởi chủ quyền quốc gia không nhất thiết đòi hỏi sự cô lập về chính trị. Một quốc gia có thể hợp tác chặt chẽ với Liên minh châu Âu mà không tự động chấp nhận mọi khía cạnh trong chính sách đối ngoại của khối. Tương tự, hợp tác với Nga hoặc Trung Quốc không nhất thiết đồng nghĩa với việc ủng hộ vô điều kiện mọi quyết định được đưa ra tại Moskva hoặc Bắc Kinh.

Một chính sách đối ngoại thực sự có chủ quyền đòi hỏi khả năng hợp tác, bất đồng và đàm phán dựa trên lợi ích quốc gia, thay vì coi việc đứng về một phe địa chính trị là nghĩa vụ vô điều kiện. Tuy nhiên, chủ quyền cũng đi kèm với trách nhiệm. Các chính phủ phải chịu trách nhiệm giải trình trước chính công dân của mình, tôn trọng luật pháp quốc tế và giải thích những hậu quả kinh tế cũng như an ninh từ các lựa chọn của họ.

4.9. Serbia và các biện pháp trừng phạt của châu Âu: Chủ quyền kết thúc ở đâu?

Một trong những vấn đề gây tranh cãi nhất liên quan đến việc Serbia từ chối tham gia các biện pháp trừng phạt của Liên minh châu Âu đối với Nga. Theo báo cáo năm 2025 của Ủy ban châu Âu về Serbia, mức độ phù hợp của chính sách nước này với Chính sách Đối ngoại và An ninh Chung của EU đạt 63% tính đến ngày 24 tháng 10 năm 2025, so với 59% vào năm 2024. Báo cáo cũng xác nhận rằng Serbia chưa tham gia các biện pháp hạn chế của EU đối với Nga và vẫn tiếp tục khai thác các chuyến bay đến những điểm đến tại Nga. Nguồn tài liệu gốc: Ủy ban châu Âu — Báo cáo Serbia năm 2025.

Liên minh châu Âu coi việc từng bước điều chỉnh chính sách đối ngoại và an ninh cho phù hợp với chính sách chung của khối là một yêu cầu quan trọng đối với các quốc gia ứng cử viên muốn gia nhập. Theo quan điểm của Brussels, một thành viên tương lai không thể tiếp tục hưởng lợi vô thời hạn từ quá trình hội nhập châu Âu trong khi bác bỏ những yếu tố cốt lõi của chính sách đối ngoại chung. Tuy nhiên, từ góc nhìn của Belgrade, vấn đề lại khác. Serbia hiện chưa phải là quốc gia thành viên EU. Chính phủ Serbia lập luận rằng nước này phải bảo vệ lợi ích quốc gia, an ninh năng lượng và các quan hệ ngoại giao, đồng thời duy trì nguyện vọng hội nhập châu Âu. Bất đồng phát sinh từ đó cho thấy sự căng thẳng căn bản giữa hai nguyên tắc chính trị chính đáng: quyền của Liên minh châu Âu trong việc đặt ra điều kiện gia nhập và quyền của Serbia, với tư cách là một quốc gia có chủ quyền chưa phải thành viên, trong việc tự quyết định chính sách đối ngoại của mình.

Câu hỏi về dân chủ không phải là liệu Liên minh châu Âu có quyền đặt ra các yêu cầu gia nhập hay không. Vấn đề là liệu sức ép chính trị và kinh tế có thể trở nên lớn đến mức những lựa chọn về hình thức vẫn thuộc chủ quyền của một quốc gia ứng cử viên trên thực tế chỉ còn là việc chấp nhận các quyết định được đưa ra ở nơi khác hay không.

Không nên bỏ qua sự phân biệt này. Việc từ chối tham gia một cơ chế trừng phạt không tự động cấu thành hành vi vi phạm luật pháp quốc tế. Tương tự, một quốc gia ứng cử viên cũng không có quyền vô điều kiện được gia nhập EU trong khi bác bỏ những yêu cầu gắn liền với tư cách thành viên. Vì vậy, vấn đề nằm ở tính tương xứng, tính minh bạch và quyền tự chủ chính trị.

4.10. Aleksandar Vučić và ý nghĩa của chiếc ghế Serbia

Bài viết trên NIN thuật lại một tuyên bố của Aleksandar Vučić liên quan đến việc Serbia từ chối từ bỏ lập trường chính sách đối ngoại độc lập. Khi những người chỉ trích mô tả cách tiếp cận của Serbia như một nỗ lực ngồi cùng lúc trên hai chiếc ghế, Vučić đáp lại rằng Serbia chỉ có một chiếc ghế duy nhất: chiếc ghế của chính mình. Hình ảnh biểu tượng này có ý nghĩa đáng chú ý. Nó thể hiện lập luận rằng một quốc gia nhỏ không nên bị buộc phải từ bỏ lợi ích quốc gia chỉ vì những thế lực địa chính trị lớn hơn không đồng tình với các lựa chọn ngoại giao của nước đó.

Theo bài báo, trong một chuyến thăm Budapest, Vučić cũng lập luận rằng các chính phủ châu Âu không sẵn lòng chấp nhận những quốc gia từ chối thực hiện đầy đủ chính sách của họ đối với Nga. Ông nhấn mạnh rằng Serbia mong muốn hòa bình và không có ý định tham gia chiến tranh thay mặt Nga, Ukraine hay bất kỳ quốc gia nào khác. Đây là những tuyên bố chính trị của giới lãnh đạo Serbia, không phải bằng chứng độc lập chứng minh Brussels đã vi phạm các nguyên tắc dân chủ. Tuy nhiên,

chúng cho thấy quá trình hội nhập châu Âu và sức ép địa chính trị được nhìn nhận như thế nào bởi những người tìm cách duy trì một vị thế tự chủ hơn.

Cũng cần phân biệt rõ giữa chủ quyền của nhà nước Serbia và các quyền dân chủ của công dân Serbia. Một chính phủ không thể viện dẫn chủ quyền quốc gia để biện minh cho việc đàn áp phe đối lập trong nước, hạn chế báo chí hoặc né tránh trách nhiệm giải trình. Quyền của Serbia trong việc theo đuổi chính sách đối ngoại độc lập và quyền của công dân Serbia trong việc chất vấn chính phủ của mình không phải là hai nguyên tắc mâu thuẫn. Cả hai đều là những yếu tố cần thiết của một trật tự chính trị tôn trọng quyền tự quyết.

4.11. Nghị quyết của Nghị viện châu Âu: Bảo vệ dân chủ hay gây sức ép chính trị?

Quan hệ giữa Brussels và Belgrade trở nên đặc biệt căng thẳng sau vụ sập mái che nhà ga đường sắt tại Novi Sad ngày 1 tháng 11 năm 2024. Mười sáu người đã thiệt mạng, và thảm kịch này làm bùng nổ các cuộc biểu tình quy mô lớn yêu cầu trách nhiệm giải trình, tính minh bạch và điều tra những khả năng tham nhũng cũng như tắc trách. Ngày 22 tháng 10 năm 2025, Nghị viện châu Âu thông qua một nghị quyết liên quan đến tình trạng phân cực chính trị và gia tăng đàn áp tại Serbia. Nghị quyết được thông qua với 457 phiếu thuận, 103 phiếu chống và 72 phiếu trắng. Văn kiện chính thức: Nghị viện châu Âu — Nghị quyết về tình trạng phân cực và gia tăng đàn áp tại Serbia.

Nghị viện bày tỏ sự ủng hộ đối với các cuộc biểu tình ôn hòa của sinh viên và kêu gọi tiến hành một cuộc điều tra độc lập về thảm kịch Novi Sad. Cơ quan này lên án hành vi đe dọa, bạo lực đối với người biểu tình và những biện pháp có thể làm suy yếu các quyền cơ bản cũng như trách nhiệm giải trình dân chủ. Không thể đơn giản bác bỏ những mối lo ngại này như một hình thức can thiệp từ nước ngoài. Công dân có quyền yêu cầu chính phủ giải trình, đặc biệt khi một thảm họa liên quan đến cơ sở hạ tầng công cộng đặt ra những câu hỏi về tham nhũng, tắc trách và trách nhiệm của các thể chế.

Đồng thời, nghị quyết cũng đề cập đến định hướng chính sách đối ngoại của Serbia, bao gồm quan hệ với Nga và mức độ tham gia còn hạn chế vào Chính sách Đối ngoại và An ninh Chung của Liên minh châu Âu. Sự kết hợp giữa những mối quan ngại về dân chủ trong nước và các kỳ vọng địa chính trị đặt ra một câu hỏi chính đáng: đâu là ranh giới giữa việc bảo vệ các nguyên tắc dân chủ và việc gây sức ép nhằm buộc một quốc gia đi theo định hướng chiến lược nhất định? Hai mục tiêu này không nhất thiết đồng nhất. Một chính phủ có thể đáng bị chỉ trích vì cách đối xử với người biểu tình, nhưng vẫn giữ quyền chủ quyền theo đuổi một chính sách đối ngoại khác với chính

sách mà Brussels mong muốn.

Trách nhiệm giải trình dân chủ không nên bị đặt dưới điều kiện phải phục tùng về địa chính trị, và sự độc lập về địa chính trị cũng không nên được sử dụng làm cái cớ để né tránh trách nhiệm giải trình dân chủ. Đây chính là mâu thuẫn trung tâm mà trường hợp Serbia làm nổi bật.

4.12. Các cuộc biểu tình tại Novi Sad: Dân chủ cũng phải được thực hiện ngay trong Serbia

Việc phân tích trường hợp Serbia sẽ không đầy đủ nếu không xem xét những yêu cầu của chính công dân nước này. Sau thảm kịch Novi Sad, sinh viên và những người biểu tình khác đã kêu gọi minh bạch, trách nhiệm giải trình và cải cách thể chế. Các cuộc biểu tình của họ làm dấy lên những lo ngại về mối quan hệ giữa quyền lực chính trị, cơ sở hạ tầng công cộng, tham nhũng và tính độc lập của các cơ quan nhà nước.

Nghị quyết của Nghị viện châu Âu nêu ra những lo ngại nghiêm trọng về cách đối xử với người biểu tình, bao gồm các cáo buộc đe dọa và sử dụng vũ lực quá mức. Những cáo buộc như vậy cần được điều tra thận trọng, nhưng nguyên tắc nền tảng rất rõ ràng: công dân phải có khả năng phản đối chính phủ một cách ôn hòa mà không phải lo sợ những hành vi trả đũa trái pháp luật.

Sự độc lập của Serbia trước Brussels không thể thay thế trách nhiệm giải trình dân chủ tại Belgrade. Tương tự, những lời chỉ trích chính đáng đối với chính phủ Serbia không nên tự động bị diễn giải thành bằng chứng của một chiến dịch được nước ngoài hậu thuẫn. Các thể chế châu Âu cũng nên tránh coi mọi bất đồng về trừng phạt hoặc định hướng địa chính trị là bằng chứng của thái độ thù địch với dân chủ. Cả hai lập trường đều có thể trở thành những cách đơn giản hóa thuận tiện về mặt chính trị.

Một chính phủ tuyên bố bảo vệ chủ quyền phải giải thích chính sách của mình phục vụ người dân như thế nào, thay vì chỉ bảo toàn quyền lực của giới lãnh đạo chính trị đang cầm quyền. Một thể chế siêu quốc gia tuyên bố bảo vệ dân chủ phải chứng minh rằng những hành động can thiệp của mình dựa trên các nguyên tắc pháp lý nhất quán, chứ không phải những ưu tiên địa chính trị được lựa chọn có tính toán. Các quyền dân chủ của công dân Serbia và chủ quyền của nhà nước Serbia phải được bảo vệ cùng nhau, chứ không phải được viện dẫn một cách chọn lọc tùy theo lợi ích chính trị.

4.13. Vấn đề Kosovo và những giới hạn của sự trung lập châu Âu

Không thể hiểu đầy đủ quan hệ giữa Serbia và Liên minh châu Âu nếu không xem xét vấn đề Kosovo. Đối với Belgrade, Kosovo vẫn là một vấn đề trung tâm liên quan đến

toàn vẹn lãnh thổ, bản sắc dân tộc và luật pháp quốc tế. Nhiều quốc gia thành viên EU công nhận Kosovo là một quốc gia độc lập, trong khi những nước khác không công nhận. Serbia tiếp tục bác bỏ nền độc lập của Kosovo. Bất đồng này ảnh hưởng đến quan hệ của Serbia với Brussels và Washington, đồng thời góp phần giải thích vì sao Belgrade duy trì quan hệ ngoại giao với những quốc gia ủng hộ lập trường của Serbia về chủ quyền lãnh thổ.

Liên minh châu Âu đã tạo điều kiện cho các cuộc đàm phán giữa Belgrade và Pristina, nhằm tìm kiếm những thỏa thuận giúp cải thiện quan hệ và thiết lập hợp tác thực tiễn. Tuy nhiên, bất đồng kéo dài cho thấy khó khăn trong việc xây dựng một chính sách đối ngoại chung của châu Âu khi các quốc gia tham gia không có cùng lập trường đối với những vấn đề nền tảng về chủ quyền và công nhận lãnh thổ. Đối với Serbia, vấn đề này củng cố nhận thức rằng những lợi ích quốc gia quan trọng nhất của mình không phải lúc nào cũng có thể phó thác cho những ưu tiên của các chính phủ phương Tây lớn hơn.

Đối với Liên minh châu Âu, quan hệ chưa được giải quyết giữa Belgrade và Pristina là một trở ngại nghiêm trọng đối với sự ổn định khu vực và quá trình mở rộng EU trong tương lai. Sự tồn tại của những quan điểm đối lập này không chứng minh rằng bên nào hoàn toàn đúng trong mọi khía cạnh. Tuy nhiên, nó cho thấy vì sao sự độc lập trong chính sách đối ngoại của Serbia không thể bị giản lược thành một lựa chọn đơn thuần giữa nền dân chủ châu Âu và ảnh hưởng của Nga.

4.14. Nghịch lý rộng lớn hơn của châu Âu: Chủ quyền, hội nhập và sự đồng thuận dân chủ

Trường hợp Serbia đặt ra những câu hỏi vượt ra ngoài khu vực Balkan. Hội nhập châu Âu bao gồm việc tự nguyện chuyển giao hoặc cùng thực hiện một số quyền hạn quốc gia thông qua các hiệp ước và thể chế chung. Quá trình này có thể mang lại những lợi ích đáng kể, bao gồm hợp tác kinh tế, các tiêu chuẩn chung và ảnh hưởng chính trị tập thể. Tuy nhiên, nó cũng đặt ra những câu hỏi khó về mối quan hệ giữa cử tri ở từng quốc gia và quá trình ra quyết định ở cấp độ siêu quốc gia.

Khi các chính phủ quốc gia tham gia vào những quyết định chung của châu Âu, họ có thể phải chấp nhận những kết quả không phù hợp với mong muốn ban đầu của mình. Điều đó không nhất thiết là phản dân chủ: quá trình ra quyết định tập thể thường đòi hỏi sự thỏa hiệp. Tuy nhiên, tính chính danh dân chủ phụ thuộc vào tính minh bạch của các thủ tục đó, trách nhiệm giải trình của những thể chế tham gia và khả năng của công dân trong việc tác động đến các lựa chọn chính trị được đưa ra nhân danh họ.

Sự phân biệt này càng trở nên quan trọng khi các thể chế châu Âu tìm cách tác động đến những quốc gia chưa gia nhập Liên minh. Các quốc gia ứng cử viên có thể tự nguyện chấp nhận những điều kiện gia nhập, nhưng họ vẫn là những quốc gia có chủ quyền cho đến khi chính thức trở thành thành viên. Có sự khác biệt giữa việc đề nghị tư cách thành viên với những điều kiện được xác định rõ ràng và việc tìm cách quyết định toàn bộ chính sách đối ngoại của một quốc gia chưa gia nhập.

Ranh giới này nằm ở đâu là một chủ đề chính đáng của tranh luận hiến pháp và chính trị. Sự thiếu hụt dân chủ của Liên minh châu Âu không thể chỉ được đo lường bằng việc không tổ chức bầu cử trực tiếp đối với Ủy ban châu Âu. Nó còn phải được đánh giá thông qua sự phân chia quyền lực, tính minh bạch của các cuộc đàm phán, ảnh hưởng của các chính phủ quốc gia và khả năng thực tế của công dân trong việc chất vấn những quyết định được đưa ra ở cấp độ châu Âu. Vì vậy, kinh nghiệm của Serbia và những lập luận do Ryszard Legutko đưa ra đặt ra các câu hỏi có liên hệ với nhau nhưng vẫn khác biệt. Legutko tập trung vào trách nhiệm giải trình của các thể chế siêu quốc gia. Serbia minh họa những sức ép có thể phát sinh khi một quốc gia nhỏ tìm cách duy trì quyền tự chủ trong chính sách đối ngoại giữa một môi trường địa chính trị ngày càng phân cực.

4.15. Nghịch lý kinh tế: Sự lãnh đạo của các đảng cộng sản và tăng trưởng vượt trội

Ngoài quyền tự do thông tin, chủ quyền quốc gia và trách nhiệm giải trình dân chủ, còn có một nghịch lý khác mà châu Âu khó có thể bỏ qua: thành tựu kinh tế đáng chú ý của Việt Nam và Trung Quốc, hai quốc gia mà các đảng cộng sản giữ vai trò lãnh đạo chính trị. Cả hai nước đều nhấn mạnh phát triển kinh tế, chủ quyền quốc gia, ổn định và hợp tác hòa bình trong quan hệ quốc tế. Điều này không có nghĩa là lịch sử hoặc chính sách đối ngoại của họ không có xung đột. Nó có nghĩa là các chiến lược phát triển của họ xứng đáng được nghiên cứu nghiêm túc, bất kể quan điểm chính trị của mỗi người đối với hệ thống chính quyền của hai quốc gia này.

Đặc biệt, Việt Nam nằm trong số những nền kinh tế tăng trưởng nhanh nhất thế giới vào năm 2026. Theo Cục Thống kê Việt Nam, tổng sản phẩm quốc nội tăng **9,95% trong quý III năm 2026 so với cùng kỳ năm 2025**. Trong chín tháng đầu năm 2026, tăng trưởng GDP đạt **9,01%**.

Công nghiệp và xây dựng là những lĩnh vực đóng góp lớn, bên cạnh dịch vụ, đầu tư và thương mại quốc tế. Những con số này minh họa sự chuyển đổi kinh tế phi thường của một đất nước từng trải qua nhiều thập niên chiến tranh và tàn phá. Nguồn tài liệu gốc: Cục Thống kê Việt Nam — Tình hình kinh tế - xã hội quý III và chín tháng năm 2026.

Sự tương phản với tốc độ tăng trưởng kinh tế chậm hơn nhiều của châu Âu là điều đáng chú ý. Tuy nhiên, không được nhầm lẫn giữa dự báo tăng trưởng hằng năm, tăng trưởng quý so với cùng kỳ năm trước và tăng trưởng quý so với quý liền trước. Hơn nữa, các nền kinh tế đang phát triển thường có thể tăng trưởng nhanh hơn những nền kinh tế công nghiệp đã phát triển, bởi họ xuất phát từ những mức năng suất và thu nhập khác nhau. Những thành tựu kinh tế này không chứng minh rằng hệ thống một đảng ưu việt hơn nền dân chủ nghị viện. Các quyền chính trị, mức sống, bảo trợ xã hội, bất bình đẳng, tính bền vững môi trường và việc phân phối lợi ích kinh tế cũng phải được xem xét.

Tuy nhiên, kinh nghiệm của Việt Nam và Trung Quốc cho thấy đa nguyên chính trị và sự năng động kinh tế không nhất thiết phát triển song hành. Chỉ riêng các cuộc bầu cử dân chủ không bảo đảm có được chính sách công nghiệp hiệu quả, đổi mới công nghệ, đầu tư cơ sở hạ tầng đầy đủ hoặc kế hoạch phát triển kinh tế dài hạn. Việt Nam đã chuyển mình thành một nền kinh tế sản xuất và xuất khẩu quan trọng, tham gia vào các chuỗi cung ứng quốc tế. Trung Quốc đã đạt được sự mở rộng công nghiệp với quy mô mang tính lịch sử và thiết lập vị thế hàng đầu trong một số lĩnh vực công nghệ và sản xuất.

Đồng thời, cả hai quốc gia đều đối mặt với những thách thức đáng kể. Việt Nam vẫn phụ thuộc nhiều vào đầu tư nước ngoài và các linh kiện công nghiệp nhập khẩu. Trung Quốc phải đối mặt với áp lực nhân khẩu học, những khó khăn trong lĩnh vực bất động sản và các tranh chấp thương mại quốc tế ngày càng gia tăng. Những vấn đề liên quan đến điều kiện lao động, phân phối thu nhập và các quyền tự do chính trị vẫn có ý nghĩa quan trọng ở cả hai nước. Vì vậy, câu hỏi căn bản đối với châu Âu không phải là liệu châu Âu có nên áp dụng hệ thống chính trị của Việt Nam hoặc Trung Quốc hay không.

Câu hỏi là vì sao những quốc gia có thể chế chính trị khác biệt như vậy đã chứng tỏ khả năng theo đuổi các chiến lược công nghiệp dài hạn và đạt được tăng trưởng kinh tế đáng kể, trong khi châu Âu đang phải vật lộn với tăng trưởng trì trệ, cạnh tranh công nghiệp, chi phí năng lượng cao và sự bất định về tương lai kinh tế của mình.

4.16. Việt Nam, Serbia và quyền lựa chọn con đường độc lập

Việt Nam và Serbia khác biệt sâu sắc về lịch sử, thể chế chính trị, trình độ phát triển kinh tế và vị thế quốc tế. Tuy nhiên, kinh nghiệm của họ đặt ra một câu hỏi chung quan trọng: làm thế nào các quốc gia có thể duy trì nền độc lập dân tộc thực chất trong một thế giới bị chi phối bởi sự cạnh tranh giữa các cường quốc? Lịch sử hiện đại của Việt Nam bao gồm những cuộc đấu tranh kéo dài chống ách thống trị thực dân,

sự can thiệp quân sự từ nước ngoài và những tàn phá do chiến tranh gây ra. Vì vậy, độc lập dân tộc giữ vị trí trung tâm trong bản sắc chính trị của đất nước.

Chính sách đối ngoại hiện nay của Việt Nam tìm cách duy trì quan hệ với nhiều cường quốc, đồng thời tránh phụ thuộc hoàn toàn vào bất kỳ cường quốc nào. Cách tiếp cận này thường gắn liền với việc Việt Nam nhấn mạnh các nguyên tắc độc lập, tự chủ, đa dạng hóa và hợp tác đa phương. Hoàn cảnh của Serbia khác biệt, nhưng chiến lược bốn trụ cột của nước này phản ánh mong muốn tương tự là duy trì sự linh hoạt ngoại giao giữa các trung tâm quyền lực quốc tế đang cạnh tranh.

Không quốc gia nào có thể thoát khỏi những thực tế kinh tế và chiến lược do các cường quốc lớn hơn tạo ra. Cả hai đều phải đưa ra những lựa chọn khó khăn liên quan đến đầu tư, thương mại, an ninh và quan hệ ngoại giao. Tuy nhiên, kinh nghiệm của họ cho thấy vì sao không nên coi chủ quyền là một khái niệm lỗi thời trong thế giới liên kết chặt chẽ ngày nay. Hợp tác quốc tế có tính chính danh cao nhất khi tôn trọng khả năng của các quốc gia trong việc đưa ra những lựa chọn chính trị có đầy đủ thông tin, thay vì biến các nước nhỏ thành công cụ phục vụ những chiến lược địa chính trị lớn hơn. Nguyên tắc này phải được áp dụng một cách nhất quán. Nó phải bảo vệ khả năng tự quyết định chính sách đối ngoại của Serbia, quyền theo đuổi chiến lược phát triển riêng của Việt Nam và quyền của công dân châu Âu trong việc chất vấn những quyết định do các thể chế tự nhận là đại diện cho họ đưa ra. Nguyên tắc đó cũng phải bảo vệ quyền của công dân tại những quốc gia này được chỉ trích chính phủ và yêu cầu trách nhiệm giải trình chính trị.

4.17. Dân chủ phải được đánh giá bằng nhiều tiêu chí hơn là chỉ dựa vào các thể chế

Việc so sánh Việt Nam, Trung Quốc, Serbia, Hoa Kỳ và Liên minh châu Âu cho thấy những hạn chế của cách phân loại chính trị đơn giản hóa. Một quốc gia có thể tổ chức các cuộc bầu cử cạnh tranh nhưng vẫn cho phép những nhóm lợi ích giàu có gây ảnh hưởng chính trị vượt quá mức tương xứng. Một quốc gia khác có thể sở hữu những thể chế siêu quốc gia phức tạp nhưng gặp khó khăn trong việc thiết lập các cơ chế trách nhiệm giải trình dân chủ rõ ràng. Một nhà nước theo chế độ một đảng có thể hạn chế việc bày tỏ quan điểm chính trị trong nước, đồng thời đạt được sự phát triển kinh tế đáng chú ý và cho phép tiếp cận một số ấn phẩm nước ngoài bị hạn chế ở những nơi khác.

Một quốc gia châu Âu nhỏ có thể tìm kiếm sự hội nhập kinh tế chặt chẽ hơn với Liên minh châu Âu, đồng thời chống lại những yêu cầu buộc mình từ bỏ các mối quan hệ độc lập với những cường quốc khác. Không quan sát nào trong số này chứng minh rằng các quyền tự do chính trị là không quan trọng. Những thành tựu kinh tế cũng

không thể biện minh cho sự đàn áp. Thay vào đó, chúng cho thấy dân chủ, tự do, phát triển kinh tế, chủ quyền quốc gia và trách nhiệm giải trình trước công chúng phải được xem xét như những khía cạnh có liên hệ với nhau nhưng khác biệt của đời sống chính trị.

Quan điểm của tôi, với tư cách là tác giả của www.jakobijn.be, là các chính phủ và thể chế chính trị phải được đánh giá dựa trên hành động thực tế của họ, thay vì những nhãn hiệu ý thức hệ mà họ tự gán cho mình. Khi Washington viện dẫn dân chủ để biện minh cho chính sách đối ngoại, các hoạt động tài trợ chính trị và những quyết định đối ngoại của chính nước Mỹ phải tiếp tục được phép điều tra. Khi Brussels tự giới thiệu mình là người bảo vệ các giá trị dân chủ châu Âu, các thể chế của khối phải sẵn sàng đối diện với những câu hỏi về trách nhiệm giải trình, tính minh bạch, chủ quyền quốc gia và giới hạn của sức ép địa chính trị.

Khi Belgrade viện dẫn chủ quyền, chính quyền nước này cũng phải tôn trọng các quyền dân chủ của công dân Serbia, bao gồm quyền biểu tình, yêu cầu trách nhiệm giải trình và chất vấn các nhà lãnh đạo chính trị. Khi Việt Nam và Trung Quốc nhấn mạnh phát triển và ổn định xã hội, những thành tựu của họ xứng đáng được ghi nhận mà không bỏ qua các câu hỏi chính đáng về quyền chính trị. Thước đo cuối cùng của dân chủ không chỉ đơn giản là liệu công dân có được định kỳ mời tham gia bỏ phiếu hay không. Điều quan trọng là liệu quyền lực chính trị có tiếp tục phải chịu trách nhiệm giải trình, tranh luận công khai có thực sự cởi mở, phát triển kinh tế có mang lại lợi ích cho xã hội, chủ quyền quốc gia có được tôn trọng và công dân có khả năng thực chất tác động đến những quyết định định hình cuộc sống của họ hay không.

Không nên coi một hệ thống chính trị là không thể bị chỉ trích chỉ vì hệ thống đó tự gọi mình là dân chủ. Tương tự, không nên phủ nhận những thành tựu của một xã hội khác chỉ vì các thể chế của xã hội ấy khác với phương Tây. Một nền dân chủ chứng minh giá trị của mình không chỉ thông qua những quyền tự do được ghi nhận trong hiến pháp, mà còn qua những cơ hội thực tế mà nó mang lại cho người dân, tính độc lập của các thể chế công quyền, sự tôn trọng quyền tự quyết dân tộc và sự sẵn sàng đặt quyền lực chính trị dưới sự giám sát có ý nghĩa thực chất.

Nguồn tham khảo và tài liệu đọc thêm

1. Ủy ban Bầu cử Liên bang Hoa Kỳ — United Democracy Project: Hồ sơ công khai tài chính chính thức. Hồ sơ tài chính gốc liên quan đến một siêu ủy ban hành động chính trị có liên hệ với AIPAC.

2. FactCheck.org — United Democracy Project, tháng 8 năm 2026. Thông tin nền về hoạt động tài trợ bầu cử và cơ cấu pháp lý của tổ chức.

3. AIPAC, Washington và Israel: Lời cảnh báo nghiêm khắc của John Mearsheimer. Video được cung cấp làm nguồn tư liệu cho cuộc tranh luận về nhóm vận động hành lang ủng hộ Israel.

4. Đây không phải là dân chủ — Thách thức của Legutko đối với Ủy ban châu Âu. Video và bản chép lời được cung cấp làm cơ sở cho phần thảo luận về trách nhiệm giải trình dân chủ trong Liên minh châu Âu.

5. Ủy ban châu Âu — Quy trình bổ nhiệm Ủy ban châu Âu. Giải thích chính thức về thủ tục bổ nhiệm và trách nhiệm giải trình.

6. Liên minh châu Âu — Nghị viện châu Âu: Vai trò và quyền hạn. Mô tả chính thức về trách nhiệm lập pháp và giám sát của Nghị viện.

7. Cục Thống kê Việt Nam — Tình hình kinh tế - xã hội quý III và chín tháng đầu năm 2026. Số liệu thống kê kinh tế chính thức.

8. NIN — Đi trên dây giữa bốn trụ cột: Chiến lược chính sách đối ngoại của Serbia. Phân tích của báo chí Serbia về chiến lược cân bằng ngoại giao và quan hệ với các cường quốc.

9. Ủy ban châu Âu — Báo cáo Serbia năm 2025. Đánh giá chính thức về quá trình gia nhập EU của Serbia và mức độ phù hợp trong chính sách đối ngoại.

10. Nghị viện châu Âu — Nghị quyết ngày 22 tháng 10 năm 2025 về tình trạng phân cực và gia tăng đàn áp tại Serbia. Nghị quyết chính thức của Nghị viện liên quan đến trách nhiệm giải trình dân chủ, các cuộc biểu tình và diễn biến chính trị tại Serbia.

11. Cơ sở dữ liệu theo dõi lập pháp của Nghị viện châu Âu — Tóm tắt nghị quyết về Serbia. Bản tóm tắt chính thức và số liệu biểu quyết tại Nghị viện.

12. Cơ quan Nghiên cứu Nghị viện châu Âu — Báo cáo năm 2025 của Ủy ban châu Âu về Serbia. Phân tích các nghĩa vụ gia nhập của Serbia và sự phù hợp trong chính sách đối ngoại.

Ghi chú biên tập

Chương này kết hợp những thông tin đã được ghi nhận bằng tài liệu về thể chế, tài chính và địa chính trị với các ý kiến phê bình chính trị và đánh giá cá nhân của tác giả. Những nhận định liên quan đến ảnh hưởng của các tổ chức vận động hành lang không đồng nghĩa với kết luận đã xác lập về hành vi tham nhũng hoặc phạm tội hình sự. Các quan điểm được quy cho Ryszard Legutko và Aleksandar Vučić được trình bày như những lập luận chính trị của họ, chứ không phải những kết luận pháp lý đã được

xác lập một cách độc lập. Không nên hiểu rằng những nhà bình luận được nêu tên trong chương này cùng tán thành mọi lập trường được trình bày.

Bài viết của NIN về Serbia là một nguồn tư liệu quan trọng để tìm hiểu cách nhìn nhận của Serbia đối với sức ép chính trị từ châu Âu, nhưng bản thân bài viết không chứng minh một cách độc lập rằng các thể chế châu Âu đã hành động trái pháp luật hoặc mọi chính sách của chính phủ Serbia đều chính đáng về mặt dân chủ. Những mối lo ngại của Nghị viện châu Âu về người biểu tình và trách nhiệm giải trình dân chủ phải được đánh giá riêng biệt với các yêu cầu liên quan đến sự phù hợp trong chính sách đối ngoại. Các số liệu thống kê kinh tế và tài chính được trích từ những nguồn đã dẫn và cần được đối chiếu với các công bố chính thức mới nhất trước khi xuất bản lần cuối. Các nguồn video cần được so sánh với toàn bộ bản ghi gốc trước khi sử dụng những trích dẫn riêng lẻ làm bằng chứng lịch sử mang tính kết luận.

5. Mối nguy hiểm khi coi những quan điểm bất đồng là thông tin sai lệch

Thông tin sai lệch là một hiện tượng có thật, nhưng thuật ngữ này đã trở thành một công cụ có sức mạnh chính trị đáng kể. Nó có thể dùng để mô tả những tuyên bố được cố ý bịa đặt, hình ảnh bị thao túng, các hoạt động lừa dối có phối hợp hoặc việc lan truyền có hệ thống những câu chuyện gây hiểu lầm. Tuy nhiên, thuật ngữ này trở nên kém hữu ích khi được áp dụng một cách thiếu phân biệt đối với những cách diễn giải khác với lập trường chính thức. Những tranh cãi về chính trị và lịch sử thường bao gồm sự pha trộn giữa các sự kiện đã được xác minh, bằng chứng chưa chắc chắn, những cách diễn giải cạnh tranh và các thông tin thực sự sai sự thật. Một chính phủ có thể đưa ra những sự kiện nền tảng chính xác nhưng lại trình bày chúng một cách có chọn lọc. Một nhà báo có thể đi đến kết luận sai lầm mà không có ý định lừa dối. Một nhà bình luận chính trị có thể bày tỏ quan điểm gây tranh cãi mà không thể phân loại đơn giản là đúng hay sai theo cùng cách như một phát biểu bằng số liệu. Những sự phân biệt này có ý nghĩa thiết yếu.

Hãy xem xét một cuộc tranh luận về nguyên nhân của một cuộc chiến tranh. Một cách diễn giải có thể nhấn mạnh hành động xâm lược lãnh thổ, cách khác tập trung vào cạnh tranh địa chính trị, cách thứ ba đề cập đến những bất bình lịch sử và cách thứ tư nhấn mạnh lợi ích kinh tế. Không phải mọi cách diễn giải đều được bằng chứng hỗ trợ ở mức độ như nhau. Tuy nhiên, việc đánh giá chúng đòi hỏi lập luận và tài liệu chứng minh, chứ không chỉ dựa vào sự phân loại mang tính hành chính. Rủi ro xuất hiện khi cơ quan có trách nhiệm bảo vệ một lập trường chính trị đồng thời nắm quyền quyết định những cách giải thích đối lập nào được phép lưu hành.

Điều này không có nghĩa là mọi chính sách chống thông tin sai lệch đều cấu thành hành vi kiểm duyệt. Nó có nghĩa là những chính sách ảnh hưởng đến quyền biểu đạt hợp pháp phải chịu sự giám sát độc lập và có các cơ chế bảo vệ được xác định rõ ràng. Một xã hội chỉ bảo vệ quyền tự do ngôn luận khi những lời phát biểu phù hợp với sự đồng thuận đang chiếm ưu thế trong xã hội ấy chỉ mang lại một hình thức tự do mong manh. Phép thử quan trọng nhất đối với sự khoan dung dân chủ thường nằm ở cách đối xử với những quan điểm bị đa số bác bỏ. Vì vậy, các thể chế châu Âu cần phân biệt giữa những hoạt động rõ ràng là bất hợp pháp, sự can thiệp có phối hợp từ nước ngoài, những tuyên bố sai lệch về sự kiện và sự bất đồng chính trị chính đáng. Không duy trì được những ranh giới này sẽ làm suy yếu niềm tin của công chúng đối với chính những thể chế đang tìm cách bảo vệ nền dân chủ.

6. Cuộc tranh cãi thứ hai: Sách do trí tuệ nhân tạo tạo ra và ngành xuất bản

Một cuộc tranh cãi khác, nhưng có liên quan, đang xuất hiện trên thị trường sách châu Âu. Trí tuệ nhân tạo đã làm giảm đáng kể chi phí kỹ thuật của việc sản xuất bản thảo. Ngày nay, một cá nhân có thể tạo ra khối lượng văn bản lớn, dịch tài liệu, chuẩn bị hình minh họa và biên soạn những tài liệu sẵn sàng xuất bản chỉ trong một phần nhỏ thời gian so với trước đây. Sự chuyển đổi này mang lại những cơ hội thực sự cho giáo dục, truyền thông khoa học, nghiên cứu lịch sử và hoạt động xuất bản độc lập. Đồng thời, nó cũng tạo ra những vấn đề nghiêm trọng.

Cuộc điều tra của VRT được cung cấp cho chương này mô tả việc các nhà bán sách và nhà xuất bản tại vùng Flanders đang phải đối mặt với số lượng đầu sách do AI tạo ra tăng lên nhanh chóng. Theo phóng sự, một đơn vị xuất bản đã công bố hàng trăm đầu sách mới chỉ trong một thời gian ngắn. Cuộc điều tra cũng cho biết rằng vào đầu tháng 9 năm 2026, nhà bán lẻ bol.com đã chào bán 2.804 đầu sách của Waries B.V. và thêm 1.048 đầu sách của Andries B.V. Những con số này được trích dẫn từ phóng sự của VRT. Không nên nhầm chúng với những số liệu tổng hợp đã được kiểm toán độc lập, bao quát toàn bộ thị trường sách Bỉ.

Phóng sự cũng đề cập đến những lo ngại về nội dung thiếu chính xác, chất lượng dịch thuật kém, lỗi ngữ pháp và sự thiếu vắng các hệ thống nhận diện đáng tin cậy đối với sách do AI tạo ra. Những lo ngại như vậy là chính đáng. Một cuốn sách tham khảo y khoa chứa thông tin bịa đặt có thể gây hại. Một công trình lịch sử đầy những câu trích dẫn được dựng lên có thể khiến sinh viên hiểu sai. Một cuốn sổ tay kỹ thuật chứa các thông số không chính xác có thể gây nguy hiểm. Chỉ riêng khả năng tạo ra bản thảo không bảo đảm rằng bản thảo ấy xứng đáng được xuất bản. Tuy nhiên, đây không phải là lập luận chống lại việc sử dụng AI để hỗ trợ hoạt động sáng tác và biên soạn.

Sự phân biệt căn bản nằm giữa phương pháp sản xuất và chất lượng trí tuệ của tác phẩm hoàn chỉnh. Một bản thảo được viết hoàn toàn bởi con người vẫn có thể chứa những sai sót nghiêm trọng về sự kiện, đạo văn, tuyên truyền chính trị hoặc thông tin cố ý bịa đặt. Ngược lại, một nhà nghiên cứu sử dụng AI để dịch thuật, tổ chức tài liệu, phân tích so sánh hoặc hỗ trợ biên tập có thể tạo ra một công trình được dẫn chứng cẩn thận và có giá trị học thuật. Những câu hỏi quyết định phải là: các tuyên bố có chính xác không, nguồn tài liệu có thể truy xuất và kiểm chứng không, quyền tác giả có được tôn trọng không và người chịu trách nhiệm xuất bản có thực sự thực hiện sự đánh giá biên tập có ý nghĩa hay không. Không nên coi một cuốn sách là đáng tin cậy chỉ vì nó được con người viết ra. Cũng không nên tự động coi nó là không đáng tin cậy chỉ vì AI đã góp phần vào quá trình tạo ra tác phẩm.

7. Nghịch lý xuất bản tại Bỉ: Quản lý AI trong khi hạn chế các thư viện số

Cuộc tranh cãi về ngành xuất bản tại Bỉ càng bộc lộ rõ những nghịch lý khi được xem xét cùng với các biện pháp hạn chế đối với những kho sách trực tuyến. Tháng 7 năm 2025, một tòa án thương mại tại Brussels đã ra lệnh áp dụng các biện pháp đối với những trang web phân phối sách được bảo hộ bản quyền mà không có sự cho phép. Theo những thông tin được công bố vào thời điểm đó, các trang web bị nhắm đến bao gồm LibGen, Z-Library và OceanofPDF. Các thủ tục pháp lý rộng hơn cũng làm dấy lên những lo ngại liên quan đến Anna's Archive và Open Library của Internet Archive. Vụ kiện được khởi xướng bởi những tổ chức đại diện cho các tác giả và nhà xuất bản, với lập luận rằng việc phân phối không được phép đã xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ.

Tranh chấp pháp lý này không tương đương với các biện pháp trừng phạt của EU đối với truyền thông Nga.

Sự phân biệt này rất quan trọng. Quyền tác giả bảo vệ lợi ích kinh tế và quyền nhân thân của người sáng tạo. Các tác giả có quyền kiểm soát một số hình thức sử dụng tác phẩm của mình và, trong khuôn khổ pháp luật hiện hành, được nhận thù lao. Một trang web phân phối những cuốn sách được xuất bản thương mại mà không có sự cho phép có thể vi phạm những quyền này, ngay cả khi người điều hành trang web tuyên bố rằng họ đang thúc đẩy giáo dục hoặc quyền tiếp cận tri thức. Hiệp hội Tác giả Hoa Kỳ (Authors Guild) đã xác định cụ thể www.oceanofpdf.com là một nguồn phân phối sách điện tử không được cấp phép với quy mô lớn.

Tuy nhiên, những phương pháp được sử dụng để thực thi quyền tác giả đặt ra các câu hỏi riêng về tính tương xứng.

Việc chặn toàn bộ một tên miền có thể ngăn cản người dùng tiếp cận không chỉ những tài liệu vi phạm bản quyền, mà còn có khả năng ảnh hưởng đến các tài liệu hợp pháp, sách thuộc phạm vi công cộng và những nguồn tư liệu nghiên cứu được lưu trữ trên cùng dịch vụ. Việc Open Library được đưa vào các thủ tục pháp lý tại Bỉ theo những thông tin được công bố là một trường hợp đặc biệt đáng chú ý. Internet Archive vận hành một cơ sở hạ tầng bảo tồn kỹ thuật số quy mô lớn phục vụ các nhà nghiên cứu, thư viện và công chúng. Chính những hoạt động cho mượn tài liệu của tổ chức này cũng đã dẫn đến các tranh chấp về bản quyền. Các bản tin cho biết Open Library được nêu tên trong lệnh chặn có phạm vi rộng hơn, nhưng không xác lập rằng toàn bộ dịch vụ này thực sự đã bị chặn tại Bỉ.

Sự phân biệt đó phải được duy trì.

Sẽ là sai lệch nếu mô tả mọi thư viện số như những tổ chức hoạt động vi phạm bản quyền. Tương tự, cũng sẽ là sai lệch nếu cho rằng giá trị phục vụ công chúng của các thư viện số tự động khiến việc sao chép không được phép trở nên hợp pháp. Câu hỏi đáng quan tâm hơn là liệu các biện pháp thực thi pháp luật có thể được thiết kế để bảo vệ tác giả mà không hạn chế một cách không cần thiết quyền tiếp cận tri thức hợp pháp hay không. Vấn đề này đặc biệt quan trọng khi các chính phủ đồng thời thúc đẩy trí tuệ nhân tạo, giáo dục kỹ thuật số và đổi mới trong nghiên cứu.

Các hệ thống AI phụ thuộc vào những khối lượng văn bản và thông tin khổng lồ. Trong khi đó, các nhà nghiên cứu phụ thuộc vào khả năng tiếp cận những ấn phẩm lịch sử, tài liệu học thuật và kho lưu trữ. Hạn chế quyền tiếp cận tri thức trong khi khuyến khích những công nghệ cần đến tri thức tạo ra một mâu thuẫn đáng được công chúng xem xét. Giải pháp không phải là xóa bỏ quyền tác giả. Giải pháp là xây dựng những biện pháp thực thi tương xứng, bảo đảm khả năng tiếp cận hợp pháp với chi phí phải chăng, cơ chế cấp phép minh bạch và những ngoại lệ có thể áp dụng trong thực tế cho hoạt động nghiên cứu, bảo tồn và giáo dục.

8. Đạo luật AI của châu Âu thực sự yêu cầu những gì?

Liên minh châu Âu đã thiết lập một khuôn khổ pháp lý rộng lớn cho trí tuệ nhân tạo thông qua Quy định (EU) 2024/1689, thường được gọi là Đạo luật AI (AI Act). Những điều khoản của văn bản này đề cập đến các loại hệ thống AI khác nhau, những rủi ro của chúng và trách nhiệm của các nhà phát triển cũng như người sử dụng. Điều 50 quy định các nghĩa vụ minh bạch liên quan đến nội dung được tạo ra hoặc bị thao túng bằng AI. Những yêu cầu liên quan bắt đầu được áp dụng từ ngày 2 tháng 8 năm 2026, với một cơ chế chuyển tiếp có giới hạn dành cho một số hệ thống AI đã được

đưa ra thị trường trước đó.

Pháp luật phân biệt giữa các nhà cung cấp hệ thống AI và những tổ chức hoặc cá nhân triển khai sử dụng các hệ thống đó.

Đối với văn bản do AI tạo ra và được công bố nhằm cung cấp thông tin cho công chúng về những vấn đề thuộc lợi ích công cộng, các yêu cầu công khai thông tin có thể được áp dụng. Tuy nhiên, quy định này đưa ra một ngoại lệ quan trọng khi nội dung đã trải qua quá trình rà soát của con người hoặc kiểm soát biên tập và một cá nhân hoặc pháp nhân chịu trách nhiệm biên tập đối với việc xuất bản. Vì vậy, sẽ không chính xác nếu khẳng định rằng mọi cuốn sách có sử dụng AI đều tự động phải mang cùng một nhãn bắt buộc.

Sự phân biệt này có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với các tác giả độc lập.

Một nhà sử học có thể sử dụng AI để so sánh tài liệu, cải thiện ngữ pháp, dịch các câu trích dẫn hoặc tổ chức ghi chép nghiên cứu. Sự hỗ trợ như vậy không nhất thiết biến công trình của nhà sử học thành một ấn phẩm được tạo ra tự động. Tương tự, một nhà báo có thể sử dụng AI để xử lý những bản chép lời phỏng vấn dài, trong khi vẫn giữ toàn bộ trách nhiệm đối với việc xác minh, diễn giải và hoàn thiện văn bản cuối cùng.

Cuộc tranh luận tại châu Âu cần thừa nhận sự khác biệt này.

Mối nguy hiểm thực sự không nằm ở sự hiện diện của AI trong quá trình xuất bản. Nó nằm ở việc thiếu một chủ thể có thể xác định rõ để chịu trách nhiệm đối với những tuyên bố được đưa ra trong tác phẩm. Một nhà xuất bản ẩn danh tạo ra hàng nghìn cuốn sách mà không thực hiện kiểm chứng thực chất đặt ra những mối lo ngại khác với một nhà nghiên cứu công khai danh tính, sử dụng các công cụ AI nhưng vẫn kiểm tra nguồn tài liệu gốc và chịu trách nhiệm đối với từng kết luận. Các quy định pháp luật cần giải quyết những khác biệt này, thay vì áp đặt một ranh giới nhân tạo giữa hoạt động sáng tác được cho là hoàn toàn thuần túy của con người và hoạt động sáng tác có sự hỗ trợ của công nghệ.

9. Tác giả con người và máy móc: Một sự đối lập sai lầm

Trong suốt lịch sử, những tiến bộ công nghệ đã làm thay đổi cách thức sản xuất và phân phối tri thức. Máy in giúp giảm chi phí sao chép văn bản. Công nghệ in công nghiệp cho phép phổ biến ấn phẩm trên quy mô lớn. Máy đánh chữ làm thay đổi việc chuẩn bị bản thảo. Máy tính cách mạng hóa hoạt động biên tập, lập chỉ mục và lưu

trữ tài liệu. Các công cụ tìm kiếm giúp nhà nghiên cứu tiếp cận những tài liệu mà trước đây họ phải đến tận các thư viện xa xôi mới có thể xem được. Những hệ thống dịch thuật kỹ thuật số giúp các nguồn tài liệu bằng tiếng nước ngoài trở nên dễ tiếp cận hơn đối với đông đảo công chúng. Trí tuệ nhân tạo đại diện cho một bước phát triển lớn khác trong tiến trình lịch sử này. Khả năng của nó khác biệt cả về quy mô lẫn bản chất, nhưng câu hỏi trọng tâm vẫn quen thuộc: làm thế nào công nghệ có thể mở rộng cơ hội phát triển trí tuệ mà không làm suy yếu tính chính xác, trách nhiệm giải trình và sự thù lao công bằng?

Một số nhà xuất bản nhấn mạnh rằng văn học phụ thuộc vào kinh nghiệm sống, trí tưởng tượng và khả năng đánh giá nghệ thuật của con người. Lập luận này có cơ sở. Một tác phẩm văn học không chỉ đơn thuần là sự sắp xếp những câu văn đúng ngữ pháp. Nó có thể thể hiện ký ức cá nhân, suy tư đạo đức, trải nghiệm lịch sử và sự thấu hiểu riêng biệt của tác giả về đời sống con người. Tuy nhiên, nhiều ấn phẩm có giá trị không chủ yếu thuộc lĩnh vực văn học. Các sổ tay kỹ thuật, niên biểu lịch sử, báo cáo thống kê, thư mục, bản dịch và tài liệu tham khảo giáo dục phục vụ những mục đích khác nhau. Giá trị của chúng phụ thuộc rất lớn vào tính chính xác, đầy đủ, khả năng tiếp cận và tính hữu ích. AI có thể hỗ trợ sản xuất những công trình như vậy, đặc biệt khi quá trình được giám sát bởi một chuyên gia con người. Khả năng bị lạm dụng không nên che khuất những lợi ích tiềm năng. Đối với những cộng đồng ngôn ngữ có quy mô nhỏ hơn, dịch thuật có sự hỗ trợ của AI có thể mở rộng đáng kể khả năng tiếp cận tài liệu lịch sử và khoa học.

Đối với những quốc gia như Việt Nam, nơi các nguồn tư liệu lịch sử quan trọng tồn tại bằng tiếng Việt, tiếng Pháp, tiếng Anh, tiếng Nga và những ngôn ngữ khác, các công cụ nghiên cứu đa ngôn ngữ có thể giúp các học giả tiếp cận những tài liệu trước đây khó hoặc không thể nghiên cứu do rào cản ngôn ngữ. Tuy nhiên, những lợi ích này đòi hỏi sự giám sát nghiêm ngặt của con người. AI có thể bịa ra tài liệu tham khảo, gán nhầm câu trích dẫn cho người khác, làm sai lệch trình tự thời gian lịch sử và đưa ra những lời giải thích đầy vẻ chắc chắn nhưng không được bằng chứng hỗ trợ.

- Vì vậy, một tác giả có trách nhiệm phải kiểm chứng các tuyên bố bằng những nguồn tài liệu có thể xác định rõ.
- Một danh mục tài liệu tham khảo do AI tạo ra không thể thay thế việc kiểm tra những ấn phẩm được trích dẫn trong đó.
- Một bản dịch trau chuốt không chứng minh rằng ý nghĩa của văn bản gốc đã được bảo toàn.
- Và một câu chuyện lịch sử có sức thuyết phục không nhất thiết là một câu chuyện chính xác.

Lập trường có trách nhiệm không phải là sự hào hứng vô điều kiện, cũng không phải sự bác bỏ hoàn toàn. Đó là việc sử dụng công nghệ một cách có kỷ luật, dưới trách nhiệm trí tuệ của con người.

10. Vấn đề sâu xa hơn: Ai kiểm soát quyền tiếp cận tri thức?

Những tranh cãi xung quanh các biện pháp hạn chế truyền thông Nga, các thư viện số và sách do AI tạo ra đều có chung một câu hỏi sâu xa về thể chế. Ai quyết định công dân được phép tiếp cận, sao chép, phân phối và sử dụng những thông tin nào? Trong trường hợp các biện pháp trừng phạt đối với truyền thông nước ngoài, cơ quan công quyền hạn chế hoạt động của những tổ chức cụ thể vì lý do an ninh và thao túng thông tin. Trong lĩnh vực thực thi quyền tác giả, các tòa án và chủ sở hữu quyền tìm cách ngăn chặn việc phân phối không được phép những tác phẩm được bảo hộ.

Trong lĩnh vực quản lý AI, các nhà lập pháp thiết lập những yêu cầu về tính minh bạch và trách nhiệm giải trình. Những biện pháp can thiệp này theo đuổi các mục tiêu khác nhau, và một số biện pháp dễ được biện minh hơn những biện pháp khác. Tuy nhiên, mỗi biện pháp đều ảnh hưởng đến môi trường thông tin. Xét chung, chúng cho thấy quyền tiếp cận tri thức ngày càng được định hình bởi sự tương tác giữa chính phủ, tòa án, các công ty công nghệ, nhà xuất bản, nhà cung cấp dịch vụ Internet và những đơn vị vận hành nền tảng. Internet từng dường như hứa hẹn một sự phi tập trung hóa thông tin chưa từng có. Một nhà nghiên cứu tại Bỉ có thể tham khảo một tờ báo ở Moskva, một kho lưu trữ lịch sử tại Washington, một bộ sưu tập tài liệu đại học ở Hà Nội và một ấn phẩm độc lập trên một châu lục khác.

Biên giới quốc gia dường như trở nên ít quan trọng hơn.

Ngày nay, quyền tiếp cận lại đang trở nên phân mảnh. Một số ấn phẩm chịu các biện pháp trừng phạt địa chính trị. Những ấn phẩm khác bị gỡ bỏ sau các khiếu nại về bản quyền. Các công cụ tìm kiếm xếp hạng tài liệu theo những hệ thống thiếu minh bạch. Các nền tảng mạng xã hội thực thi những chính sách kiểm duyệt và quản lý nội dung riêng. Các nhà xuất bản đàm phán những thỏa thuận cấp phép với các công ty công nghệ. Không phải tất cả những diễn biến này đều cấu thành hành vi kiểm duyệt, nhưng khi kết hợp với nhau, chúng có thể thu hẹp phạm vi thông tin mà một độc giả bình thường được tiếp xúc. Vấn đề phát sinh không chỉ đơn giản là liệu một trang web cụ thể có bị chặn hay không. Vấn đề là liệu công chúng có còn đủ khả năng tiếp cận thông tin, sự minh bạch và quyền tự đánh giá độc lập để thách thức những câu chuyện đang chiếm ưu thế hay không.

Câu trả lời đòi hỏi sự cân bằng thận trọng giữa những quyền đôi khi xung đột với nhau. Tự do biểu đạt là quan trọng. Quyền của tác giả, bảo vệ dữ liệu cá nhân, an ninh quốc gia và ngăn ngừa những thiệt hại thực sự cũng quan trọng không kém. Một hệ thống dân chủ trưởng thành không giả vờ rằng những xung đột này không tồn tại. Nó giải quyết chúng thông qua pháp luật rõ ràng, tòa án độc lập, lập luận công khai, các cơ chế kháng nghị hiệu quả và những hạn chế không vượt quá mức cần thiết.

11. Phép thử pháp lý: Tự do biểu đạt không phải là quyền tuyệt đối

Một sự phê bình nghiêm túc đối với những hạn chế thông tin tại châu Âu phải thừa nhận khuôn khổ pháp lý mà các biện pháp này được áp dụng. Điều 10 của Công ước châu Âu về Nhân quyền cho phép áp đặt một số hạn chế đối với quyền tự do biểu đạt khi những hạn chế đó được pháp luật quy định và cần thiết trong một xã hội dân chủ nhằm đạt được các mục tiêu chính đáng được công nhận. Những mục tiêu này có thể bao gồm an ninh quốc gia, an toàn công cộng và bảo vệ quyền của người khác. Do đó, sự tồn tại của một biện pháp hạn chế không tự động chứng minh rằng nhà nước đã vi phạm nhân quyền.

Một ví dụ đặc biệt quan trọng là phán quyết của Tòa án chung thuộc Liên minh châu Âu trong vụ RT France kiện Hội đồng, được ban hành ngày 27 tháng 7 năm 2022. Tòa án đã giữ nguyên các biện pháp hạn chế phát sóng của EU đối với RT France, xác định rằng Hội đồng đã hành động trong phạm vi thẩm quyền của mình và các biện pháp đó có cơ sở chính đáng, tương xứng trong hoàn cảnh Nga xâm lược Ukraine. Tòa án đã xem xét các bằng chứng liên quan đến vai trò của cơ quan truyền thông này trong việc ủng hộ chính sách của Nga cũng như bối cảnh an ninh rộng lớn hơn.

Ngay cả những người chỉ trích không đồng tình với lập luận của Tòa án cũng phải thừa nhận sự tồn tại và ý nghĩa của phán quyết này. Vì vậy, vấn đề pháp lý không thể được giải quyết đơn giản bằng cách khẳng định rằng châu Âu bảo đảm quyền tự do ngôn luận và do đó đã hành động trái pháp luật mỗi khi hạn chế một ấn phẩm. Lập luận phê bình có sức thuyết phục hơn phải tập trung vào những tiêu chuẩn dùng để biện minh cho các hạn chế, thời hạn áp dụng, phạm vi và hậu quả của chúng. Chẳng hạn, liệu toàn bộ một tổ chức truyền thông có nên tiếp tục bị hạn chế khi những ấn phẩm của tổ chức đó bao gồm cả nội dung không liên quan đến cuộc xung đột vốn là nguyên nhân ban đầu dẫn đến các biện pháp trừng phạt hay không?

- Các cơ quan chức năng nên phân biệt như thế nào giữa tính độc lập biên tập và sự chỉ đạo của nhà nước?
- Cần có những bằng chứng gì trước khi đưa một tổ chức vào danh sách trừng phạt?

- Các biện pháp hạn chế nên được xem xét lại với tần suất như thế nào?
- Và những tổ chức bị ảnh hưởng cần được tiếp cận những cơ chế khắc phục pháp lý hiệu quả nào?

Những câu hỏi này hoàn toàn phù hợp với sự tôn trọng nguyên tắc pháp quyền. Thực tế, đây chính là những câu hỏi mà một trật tự pháp lý dân chủ cần khuyến khích.

12. Vì sao kiểm duyệt có thể gây ra những hậu quả trái với mong muốn

Những hạn chế đối với các ấn phẩm gây tranh cãi có thể tạo ra những hậu quả khác với mục tiêu ban đầu. Khi nhà chức trách chặn quyền truy cập vào một trang web, một số độc giả diễn giải biện pháp đó như bằng chứng rằng ấn phẩm chứa đựng những thông tin mà các nhóm lợi ích quyền lực muốn che giấu. Kết luận này không có cơ sở hợp lý về mặt logic. Một trang web có thể bị hạn chế vì những lý do chính đáng và nội dung của nó có thể không chính xác. Tuy nhiên, tác động tâm lý này là có thật.

Một ấn phẩm bị cấm có thể được khoác lên vẻ quan trọng chỉ đơn giản vì nó bị cấm. Các biện pháp hạn chế cũng có thể đẩy độc giả sang những kênh phân phối kém minh bạch hơn, nơi thông tin sai lệch lưu hành mà không được đính chính hoặc giải thích trong bối cảnh thích hợp. Trong khi đó, niềm tin của công chúng có thể suy giảm nếu nhà chức trách tỏ ra không sẵn lòng đặt những tuyên bố của chính mình dưới sự kiểm tra nghiêm ngặt tương tự như những gì họ yêu cầu đối với người khác. Một phản ứng bền vững hơn trước tuyên truyền là xây dựng một công chúng có hiểu biết và tư duy phản biện. Điều này đòi hỏi giáo dục về đánh giá nguồn tin, quyền tiếp cận minh bạch các tài liệu gốc, báo chí điều tra độc lập và tranh luận công khai. Nguyên tắc tương tự cũng áp dụng đối với sách do AI tạo ra.

Độc giả cần hiểu rằng ngôn ngữ trôi chảy không phải là bằng chứng về tính chính xác của sự kiện. Các nhà xuất bản cần những cơ chế để nhận diện hoạt động sản xuất hàng loạt thiếu trách nhiệm. Các tác giả cần được bảo vệ công bằng trước việc sao chép tác phẩm trái phép. Nhưng độc giả cũng phải được khuyến khích đánh giá các ấn phẩm dựa trên nội dung thực chất. Mục tiêu dài hạn phải là năng lực tư duy độc lập, thay vì sự phụ thuộc vào những tổ chức giữ quyền kiểm soát việc tiếp cận thông tin.

13. Châu Âu nên thay đổi cách tiếp cận như thế nào?

Một chính sách thông tin dân chủ phải bắt đầu từ nguyên tắc ưu tiên quyền tiếp cận. Các biện pháp hạn chế phải mang tính ngoại lệ, được pháp luật xác định rõ và chịu sự xem xét thực chất. Trong trường hợp các biện pháp trừng phạt truyền thông vì lý do địa chính trị, Liên minh châu Âu cần công bố những lời giải thích rõ ràng về bằng chứng làm cơ sở cho việc đưa từng tổ chức vào danh sách trừng phạt, có tính đến những giới hạn chính đáng liên quan đến an ninh. EU cũng cần cung cấp thông tin dễ tiếp cận về phạm vi chính xác của các biện pháp hạn chế, bao gồm những gì cá nhân có thể đọc, trích dẫn, phân tích hoặc lưu trữ một cách hợp pháp.

Điều này đặc biệt quan trọng đối với các nhà sử học, nhà nghiên cứu và nhà báo. Công dân châu Âu không nên phải phỏng đoán liệu việc tham khảo một ấn phẩm nước ngoài nhằm phục vụ nghiên cứu chính đáng có được cho phép hay không. Trong lĩnh vực thực thi quyền tác giả, các tòa án cần xem xét liệu việc gỡ bỏ có mục tiêu những nội dung vi phạm có thể đạt được mục đích chính đáng mà không gây ảnh hưởng không cần thiết đến những nguồn tài liệu hợp pháp hay không. Trong lĩnh vực trí tuệ nhân tạo, việc công khai thông tin phải mang ý nghĩa thực chất, chứ không chỉ có tính biểu tượng.

Một tiêu chuẩn xuất bản hữu ích cần phân biệt giữa nội dung được tạo ra hoàn toàn tự động, hoạt động nghiên cứu và dịch thuật có sự hỗ trợ của AI, và những công trình đã trải qua quá trình kiểm tra biên tập đáng kể của con người. Một hệ thống như vậy sẽ giúp độc giả đưa ra những lựa chọn có đầy đủ thông tin mà không tạo ấn tượng rằng mọi hình thức tham gia của AI đều có cùng ý nghĩa về mặt trí tuệ. Các thư viện và cơ sở giáo dục được tài trợ bằng ngân sách công cũng cần mở rộng quyền tiếp cận kỹ thuật số hợp pháp đối với những tài liệu lịch sử và khoa học.

Cuối cùng, châu Âu cần tăng cường năng lực hiểu biết truyền thông mà không coi sự bất đồng với chính sách chính thức là bằng chứng đầy đủ của hành vi thao túng. Một xã hội tin tưởng vào các thể chế dân chủ của mình phải sẵn sàng để những thể chế ấy chịu sự phê bình. Xã hội đó phải thừa nhận rằng sự độc lập về trí tuệ bao gồm cả quyền đi đến những kết luận mà chính phủ, nhà xuất bản và các tổ chức truyền thông lâu đời cho là sai lầm.

14. Kết luận: Nền dân chủ phải đặt niềm tin vào độc giả

Những tranh cãi được xem xét trong chương này cho thấy một sự căng thẳng thực sự trong nền dân chủ châu Âu đương đại. Liên minh châu Âu chính thức bảo đảm quyền tự do biểu đạt và thông tin. Đồng thời, EU hạn chế việc phân phối nội dung của một số tổ chức truyền thông nước ngoài được chỉ định. Các tòa án Bỉ đã ra lệnh áp dụng

những biện pháp đối với các kho lưu trữ trực tuyến bị cáo buộc vi phạm bản quyền. Trong khi đó, các nhà xuất bản tại vùng Flanders đang phải vật lộn để ứng phó với sự gia tăng nhanh chóng của sách do AI tạo ra.

Những diễn biến này không giống nhau về mặt pháp lý và không nên được trình bày như một chương trình kiểm duyệt thống nhất, có sự phối hợp. Tuy nhiên, chúng đặt ra một mối lo ngại chung: quyền lực kiểm soát sự lưu thông tri thức ngày càng tập trung. Trải nghiệm tiếp cận các ấn phẩm nước ngoài từ Việt Nam mang lại một sự so sánh đáng suy ngẫm. Một quốc gia do đảng cộng sản lãnh đạo có thể cho phép truy cập một số trang web đang bị hạn chế tại châu Âu dân chủ. Quan sát đó không chứng minh rằng Việt Nam nhìn chung có các quyền tự do chính trị rộng lớn hơn. Tuy nhiên, nó đặt câu hỏi đối với những giả định đơn giản hóa về mối quan hệ giữa các hệ thống chính trị và quyền tiếp cận những nguồn thông tin cụ thể.

Liên minh châu Âu cần được đánh giá theo chính những tiêu chuẩn mà khối đã đặt ra cho mình. Đó là những tiêu chuẩn rất cao. Chúng không chỉ đòi hỏi bảo vệ những quan điểm được chấp nhận, mà còn đòi hỏi sự tôn trọng nghiêm túc đối với quyền tiếp nhận thông tin xuyên biên giới. Chúng đòi hỏi thừa nhận rằng các chính phủ có thể mắc sai lầm, những câu chuyện chính thức có thể không đầy đủ và nhận thức lịch sử thường xuyên thay đổi khi xuất hiện những bằng chứng mới. Chúng cũng đòi hỏi tôn trọng quyền tác giả và sự bảo vệ chính đáng của xã hội trước những hành vi gây hại. Thách thức là dung hòa những nghĩa vụ này mà không để các ngoại lệ trở thành tình trạng bình thường của đời sống trí tuệ.

Trí tuệ nhân tạo khiến cuộc tranh luận này trở nên cấp bách hơn.

Công nghệ này có thể khiến thị trường tràn ngập những ấn phẩm không đáng tin cậy, nhưng nó cũng có thể dân chủ hóa quyền tiếp cận nghiên cứu, dịch thuật và xuất bản. Đóng góp cuối cùng của công nghệ sẽ phụ thuộc vào mức độ trách nhiệm trong việc sử dụng và sự sáng suốt trong việc quản lý. Tương lai của tri thức trong một xã hội dân chủ không nên phụ thuộc vào việc lựa chọn giữa hoạt động sản xuất bằng công nghệ hoàn toàn không bị hạn chế và sự kiểm soát toàn diện của các thể chế. Tương lai đó phải dựa trên bằng chứng, tính minh bạch, trách nhiệm giải trình và khả năng tư duy độc lập của công dân.

Một nền dân chủ chứng minh sức mạnh của mình không phải bằng cách bảo đảm rằng công dân chỉ được tiếp xúc với những ý tưởng được chấp nhận, mà bằng cách tạo điều kiện để họ xem xét những tuyên bố cạnh tranh và tự đưa ra các kết luận có đầy đủ thông tin. Cái giá của tự do ngôn luận là sự sẵn lòng chấp nhận bất đồng. Cái giá của việc từ bỏ nguyên tắc ấy có thể còn lớn hơn rất nhiều.

Phụ lục A — Các trang web và cơ quan truyền thông chịu những biện pháp hạn chế tại châu Âu

Danh sách dưới đây chủ yếu dựa trên danh mục chính thức của Hội đồng Liên minh châu Âu về 27 cơ quan truyền thông chịu các biện pháp hạn chế phát sóng và phân phối của EU. Đây là danh sách những tổ chức truyền thông bị hạn chế về mặt pháp lý, không phải bằng chứng cho thấy mọi trang web liên quan đều không thể truy cập về mặt kỹ thuật trên toàn bộ lãnh thổ EU.

Các biện pháp hạn chế truyền thông ở cấp EU — danh sách chính thức của Hội đồng, được tham khảo vào tháng 10 năm 2026.

Tổ chức hoặc ấn phẩm	Trang web hoặc tên nhận diện
Strategic Culture Foundation	strategic-culture.su
Russia Today (RT)	rt.com
Sputnik	sputnikglobe.com
RIA Novosti	ria.ru
Izvestia	iz.ru
SouthFront	southfront.press
NewsFront	NewsFront
New Eastern Outlook	New Eastern Outlook
Oriental Review	Oriental Review
Katehon	Katehon
Fondsk	Fondsk
EADaily / Eurasia Daily	EADaily
Lenta	lenta.ru
RuBaltic	RuBaltic
Rossiyskaya Gazeta	rg.ru
NTV / NTV Mir	NTV
Pervyi Kanal	Channel One Russia
REN TV	REN TV
Rossiya 1	Rossiya 1
Rossiya 24	Rossiya 24
Rossiya RTR / RTR Planeta	RTR Planeta
Krasnaya Zvezda / Tvzvezda	Zvezda
Spas TV Channel	Spas
Tsargrad TV Channel	Tsargrad
TV Centre International	TV Centre

Tổ chức hoặc ấn phẩm	Trang web hoặc tên nhận diện
Voice of Europe	Voice of Europe

Danh sách của Hội đồng cũng bao gồm các công ty con của RT và Sputnik. Không nên nhầm lẫn những mục liệt kê theo tổ chức ở trên với một danh mục đầy đủ các tên miền bị chặn.

Các biện pháp hạn chế tại Bỉ liên quan đến thư viện số

Trang web	Tình trạng pháp lý
OceanofPDF	Là đối tượng của các thủ tục chặn truy cập tại Bỉ vì lý do bản quyền vào tháng 7 năm 2025
Z-Library	Là đối tượng của các thủ tục chặn truy cập tại Bỉ vì lý do bản quyền
Library Genesis (LibGen)	Là đối tượng của các thủ tục chặn truy cập tại Bỉ vì lý do bản quyền
Anna's Archive	Được đưa vào các thủ tục chặn truy cập tại Bỉ theo những thông tin đã được công bố
Open Library	Được nêu tên trong các thủ tục pháp lý có phạm vi rộng hơn; chưa xác lập được rằng việc chặn truy cập toàn diện thực sự đã diễn ra

Những vụ việc tại Bỉ này liên quan đến các cáo buộc vi phạm bản quyền, chứ không phải các biện pháp trừng phạt của EU đối với truyền thông chính trị Nga.

Phụ lục B — Nguồn tài liệu gốc và tài liệu đọc thêm

1. Hiến chương các Quyền Cơ bản của Liên minh châu Âu — Điều 11. Cơ sở pháp lý của quyền tự do biểu đạt và thông tin.

2. Công ước châu Âu về Nhân quyền — Điều 10. Bảo vệ quyền tự do biểu đạt và các hạn chế được phép áp dụng.

3. Hội đồng Liên minh châu Âu — Các biện pháp trừng phạt đối với Nga. Danh sách chính thức và những giải thích về các biện pháp hạn chế.

4. Hội đồng Liên minh châu Âu — Gói trừng phạt ngày 24 tháng 2 năm 2025. Bao gồm Strategic Culture Foundation và bảy cơ quan truyền thông khác.

5. Tòa án Công lý Liên minh châu Âu — Vụ RT France kiện Hội đồng, T-125/22. Xem xét tư pháp đối với lệnh cấm phát sóng của EU.

6. Đạo luật AI của châu Âu — Điều 50. Các yêu cầu minh bạch đối với nội dung do AI tạo ra.

7. Ủy ban châu Âu — Hướng dẫn về tính minh bạch của AI. Giải thích và triển khai Điều 50.

8. The Brussels Times — Các tòa án Bỉ chặn những trang web cung cấp sách sao chép trái phép, ngày 18 tháng 7 năm 2025.

9. TorrentFreak — Lệnh chặn truy cập các thư viện số tại Bỉ, tháng 8 năm 2025.

10. Authors Guild — OceanofPDF và quyền của tác giả, tháng 11 năm 2024.

11. VRT NWS, Steeds meer AI-boeken op de markt, Vlaamse Auteursvereniging roept op tot label (Ngày càng có nhiều sách AI trên thị trường, Hiệp hội Tác giả Flanders kêu gọi áp dụng nhãn nhận diện), được trích lại trong tài liệu cung cấp cho chương này. https://www.vrt.be/vrtnws/nl/2026/10/16/ai-boeken-steeds-meer-echte-auteurs-markt-andries-waries-standaa/

Ghi chú biên tập

Chương này phân biệt giữa các biện pháp trừng phạt của EU đã được xác minh, những biện pháp tư pháp tại Bỉ được báo chí đưa tin, các hạn chế pháp lý đối với việc phân phối nội dung và những tuyên bố chưa được kiểm chứng về khả năng truy cập trang web trên phương diện kỹ thuật. Những quan sát so sánh liên quan đến Việt Nam và Bỉ cần được kiểm tra thêm thông qua các phép thử mạng có thể tái lập. Chưa có cuộc kiểm tra toàn diện theo thời gian thực nào về khả năng truy cập đối với những tên miền được liệt kê. Khi đưa nội dung này vào một cuốn sách lịch sử, sự phân biệt đó có ý nghĩa thiết yếu: nó duy trì sức thuyết phục của lập luận phê bình mà không phóng đại những gì các bằng chứng hiện có thực sự chứng minh.